

Phần 1:

Những điều khoản chung của Hợp đồng bảo hiểm

Những điều khoản chung của Hợp đồng bảo hiểm tại Phần 1 này sẽ được áp dụng cho (các) sản phẩm bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Sản phẩm”) được tham gia theo Hợp đồng bảo hiểm, trừ khi được quy định cụ thể khác đi tại Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm.

Mục lục

Phần 1: Những điều khoản chung của Hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm

2. Quyền lợi có thể được bảo hiểm

3. Thông tin Hợp đồng

- 3.1 Nghĩa vụ kê khai trung thực
 - 3.2 Miễn truy xét
 - 3.3 Cập nhật thông tin cá nhân
 - 3.4 Nghĩa vụ cung cấp thông tin của FWD
 - 3.5 Nghĩa vụ bảo mật thông tin của FWD
-

4. Thời gian cân nhắc

5. Đóng phí bảo hiểm

6. Thay đổi Sản phẩm bảo trợ

7. Chỉ định hoặc thay đổi Người thụ hưởng

Mục lục



Phần 1: Những điều khoản chung của Hợp đồng bảo hiểm



8. Chuyển giao Hợp đồng



9. Kế thừa thực hiện Hợp đồng



10. Quyền lợi bảo hiểm và yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

10.1 Quyền lợi bảo hiểm

10.2 Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

10.3 Thời hạn nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

10.4 Thời hạn giải quyết quyền lợi bảo hiểm



11. Quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố



12. Chấm dứt Hợp đồng



13. Giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “**Hợp đồng**”) là thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và FWD, bao gồm các tài liệu sau:

- (i). Chứng nhận bảo hiểm;
- (ii). Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm;
- (iii). Minh họa quyền lợi bảo hiểm;
- (iv). Tóm tắt Quy tắc, điều khoản (các) Sản phẩm;
- (v). Quy tắc, điều khoản (các) Sản phẩm;
- (vi). Các sửa đổi, bổ sung được ký kết giữa hai bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

Để tham gia bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm cần hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, gửi về FWD và đóng đầy đủ phí bảo hiểm (tạm tính) của Hợp đồng.



Khi FWD chấp thuận bảo hiểm trên cơ sở Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và (các) tài liệu khác do Bên mua bảo hiểm cung cấp cho mục đích tham gia bảo hiểm, FWD sẽ phát hành Hợp đồng. Hợp đồng có thể được phát hành dưới hình thức Hợp đồng bản giấy và/hoặc bản điện tử có chữ ký số của FWD.

Trường hợp FWD phát hành Hợp đồng bản điện tử, FWD sẽ gửi hướng dẫn cách thức nhận Hợp đồng bản điện tử đến Bên mua bảo hiểm. Hợp đồng bản điện tử có giá trị như bản giấy.

Trong Hợp đồng này, các từ, thuật ngữ viết hoa sẽ được hiểu như định nghĩa dưới đây, trừ khi được định nghĩa khác đi trong Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm trong Hợp đồng.

- 1.1 Bác sĩ** là cá nhân đã có bằng cấp chuyên môn y khoa và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hành nghề y. Bác sĩ không được đồng thời là Bên mua bảo hiểm, hoặc Người được bảo hiểm, hoặc Người thụ hưởng trừ trường hợp những người này làm nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.
- 1.2 Bên mua bảo hiểm** là bên có nhu cầu tham gia bảo hiểm, có quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định pháp luật, đồng ý giao kết Hợp đồng, đóng phí bảo hiểm cho Hợp đồng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng.

Theo Hợp đồng này, Bên mua bảo hiểm có thể là:

- (i). Tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; hoặc
- (ii). Cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên hiện đang cư trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

- 1.3 Chứng nhận bảo hiểm** là tài liệu do FWD phát hành thể hiện thông tin cơ bản của Hợp đồng và (các) Sản phẩm tham gia trong Hợp đồng.

1. Hợp đồng bảo hiểm

1.4 FWD là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam.

1.5 Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi của một cá nhân bao gồm:

- (i) Tham gia hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật mà pháp luật hình sự quy định là tội phạm, hoặc
- (ii) Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức cho phép theo quy định của pháp luật. Quy định này không áp dụng trong trường hợp hồ sơ, chứng từ do cơ quan có thẩm quyền lập thể hiện nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở ở mức trị số bình thường theo quy định của Bộ Y tế (hoặc quy định thay thế, sửa đổi, bổ sung) có hiệu lực tại thời điểm xảy ra Tai nạn, hoặc
- (iii) Sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện, chất kích thích bị cấm, trừ trường hợp được Bác sĩ kê đơn theo quy định của pháp luật.

1.6 Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là hồ sơ theo mẫu của FWD, được Bên mua bảo hiểm kê khai và chuyển tới FWD để yêu cầu tham gia bảo hiểm. Bảng câu hỏi liên quan đến rủi ro được bảo hiểm là một phần của Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm và (các) Người được bảo hiểm liên quan phải xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

1.7 Khoản nợ là bất cứ khoản tiền nào mà Bên mua bảo hiểm còn nợ FWD và được xác định theo các điều khoản và điều kiện của từng Sản phẩm trong Hợp đồng. FWD sẽ khấu trừ (các) Khoản nợ trước khi thanh toán bất kỳ khoản tiền hay chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào của Hợp đồng.

1.8 Sản phẩm chính có tên kỹ thuật là Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị đóng phí định kỳ 2025, được phê chuẩn theo Công văn số 19544/BTC-QLBH, ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính về phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm và được triển khai theo Quyết định số FWDVN-CEO-012026-01 ngày 22/01/2026 của Tổng Giám đốc FWD. Tên thương mại của Sản phẩm chính được đề cập tại Chứng nhận bảo hiểm.

1.9 Sản phẩm bổ trợ là (các) Sản phẩm được Bên mua bảo hiểm tham gia và đính kèm vào Hợp đồng tại từng thời điểm theo quy định của FWD.

1.10 Số tiền bảo hiểm là số tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và được FWD chấp thuận làm cơ sở để chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp rủi ro xảy ra theo Hợp đồng. Số tiền bảo hiểm được ghi trên Chứng nhận bảo hiểm, hoặc Thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất (nếu có).

1.11 Năm hợp đồng là khoảng thời gian 1 năm dương lịch kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc từ Ngày kỷ niệm năm.

1.12 Ngày kỷ niệm năm là ngày lặp lại hàng năm của Ngày hiệu lực hợp đồng. Nếu năm không có ngày này thì ngày cuối cùng của tháng đó sẽ là Ngày kỷ niệm năm.

1.13 Ngày hiệu lực hợp đồng là ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng đầy đủ phí bảo hiểm (tạm tính) của Hợp đồng, với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm còn sống tại thời điểm FWD chấp thuận bảo hiểm. Ngày hiệu lực hợp đồng được ghi trên Chứng nhận bảo hiểm.

1.14 Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm được ghi trong Chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng.

1. Hợp đồng bảo hiểm

1.15 Ngày đến hạn đóng phí là ngày Bên mua bảo hiểm cần đóng phí bảo hiểm theo định kỳ lựa chọn trong Hợp đồng.

1.16 Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng là ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng, đóng đầy đủ các khoản phí bảo hiểm và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định của FWD để khôi phục hiệu lực của Hợp đồng, với điều kiện yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng được FWD chấp thuận bằng văn bản và Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải còn sống tại thời điểm FWD chấp thuận yêu cầu.

1.17 Người được bảo hiểm là cá nhân có sức khỏe, tính mạng được bảo hiểm theo (các) Sản phẩm trong Hợp đồng và được FWD chấp thuận bảo hiểm theo Hợp đồng này. Người được bảo hiểm phải cư trú tại Việt Nam tại thời điểm xác nhận đồng ý tham gia bảo hiểm.

Nếu Người được bảo hiểm đủ 18 tuổi, Người được bảo hiểm phải tự xác nhận đồng ý tham gia bảo hiểm và xác nhận các thông tin được kê khai trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, yêu cầu bổ sung Sản phẩm bổ trợ hoặc quyền lợi và các thông tin về sức khỏe của Người được bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm kê khai, cung cấp cho FWD tại từng thời điểm.

Nếu Người được bảo hiểm chưa đủ 18 tuổi, việc xác nhận đồng ý tham gia bảo hiểm, xác nhận các thông tin được kê khai trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, yêu cầu bổ sung Sản phẩm bổ trợ hoặc quyền lợi và các thông tin về sức khỏe của Người được bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm kê khai, cung cấp cho FWD phải được thực hiện bởi cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm.

1.18 Người thụ hưởng là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào được Bên mua bảo hiểm chỉ định với sự đồng ý của Người được bảo hiểm trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc yêu cầu điều chỉnh thông tin Hợp đồng và được FWD chấp thuận, để nhận quyền lợi bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Người thụ hưởng sẽ được nhận quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm của Hợp đồng này.

1.19 Tai nạn là một hoặc một chuỗi sự kiện khách quan xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài lên cơ thể Người được bảo hiểm. Tai nạn phải là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác gây ra tổn thương của Người được bảo hiểm trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn.

1.20 Thời hạn bảo hiểm là khoảng thời gian được tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày hiệu lực của (các) Sản phẩm bổ trợ đến Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm và được xác định theo Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm trong Hợp đồng này.

1.21 Thời hạn đóng phí là thời gian Bên mua bảo hiểm cần đóng phí bảo hiểm theo định kỳ và phương thức đóng phí được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng. Thời hạn đóng phí của từng Sản phẩm trong Hợp đồng sẽ được xác định theo Quy tắc, điều khoản của Sản phẩm đó.

1. Hợp đồng bảo hiểm

1.22 Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV) nghĩa là khi

a). Người được bảo hiểm bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của:

- (i). Hai tay; hoặc
- (ii). Hai chân; hoặc
- (iii). Một tay và một chân; hoặc
- (iv). Hai mắt; hoặc
- (v). Một tay và một mắt; hoặc
- (vi). Một chân và một mắt.

Trong trường hợp này, mất hoàn toàn, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của tay được tính từ cổ tay trở lên; mất hoàn toàn, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của chân được tính từ mắt cá chân trở lên; mất hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của mắt được hiểu là mất hoàn toàn hoặc mù hoàn toàn.

Hoặc

b). Người được bảo hiểm bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo xác nhận của cơ quan y tế hoặc Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc tổ chức giám định y tế hợp pháp được FWD chấp thuận.

Việc chứng nhận Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể (tay, chân hoặc mắt) có thể được thực hiện ngay sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra hoặc sau khi kết thúc việc điều trị.

Việc chứng nhận bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể hoặc mù hoàn toàn hoặc bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên được thực hiện không sớm hơn 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc từ ngày bệnh lý được chẩn đoán.

1.23 Tuổi bảo hiểm là tuổi của Người được bảo hiểm tính theo lần sinh nhật vừa qua tại Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày hiệu lực của (các) Sản phẩm bảo trợ trong Hợp đồng.

☆ 2. Quyền lợi có thể được bảo hiểm

2.1 Quyền lợi có thể được bảo hiểm giữa Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm

Tại thời điểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và thời điểm được FWD chấp thuận bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm, bao gồm các trường hợp dưới đây:



Bên mua bảo hiểm tự tham gia bảo hiểm cho bản thân mình;



Người được bảo hiểm là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của Bên mua bảo hiểm;



Người được bảo hiểm là anh chị em ruột, người có quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng hoặc người được giám hộ hợp pháp bởi Bên mua bảo hiểm;



Người được bảo hiểm là người có quyền lợi về tài chính hoặc quan hệ lao động với Bên mua bảo hiểm;



Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm mua bảo hiểm sức khỏe cho mình.

☆ 2. Quyền lợi có thể được bảo hiểm

2.2. Quyền lợi có thể được bảo hiểm giữa Người thụ hưởng và Người được bảo hiểm

Tại thời điểm chỉ định Người thụ hưởng và thời điểm được FWD chấp thuận, Người thụ hưởng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính, bao gồm các trường hợp dưới đây:



Người thụ hưởng là Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm;



Người thụ hưởng là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của Người được bảo hiểm;



Người thụ hưởng là anh chị em ruột, người có quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng, người giám hộ hợp pháp hoặc người được giám hộ hợp pháp bởi Người được bảo hiểm;



Người thụ hưởng là người có quyền lợi về tài chính hoặc quan hệ lao động với Người được bảo hiểm.

3. Thông tin Hợp đồng

3.1 Nghĩa vụ kê khai trung thực

Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác các thông tin được yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, các mẫu kê khai bổ sung cho Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, yêu cầu điều chỉnh Hợp đồng.

Việc FWD không thực hiện kiểm tra sức khỏe hay thực hiện kiểm tra sức khỏe (nếu có) không thay thế hoặc sử dụng như lý do để miễn trừ cho nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác của Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm.

Trên cơ sở thông tin được Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm kê khai, tùy từng trường hợp, FWD sẽ quyết định:

- (i). Chấp thuận bảo hiểm, chấp thuận yêu cầu điều chỉnh Hợp đồng hoặc yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng;

Hoặc

- (ii). Chấp thuận bảo hiểm, chấp thuận yêu cầu điều chỉnh Hợp đồng, yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng có điều kiện. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng ý với quyết định của FWD, FWD sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm khoản phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hoặc yêu cầu điều chỉnh Hợp đồng, hoặc yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng tùy trường hợp, không có lãi sau khi trừ đi chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có);

Hoặc

- (iii). Không chấp thuận bảo hiểm, không chấp thuận yêu cầu điều chỉnh Hợp đồng, yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Trong trường hợp này, FWD sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm khoản phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hoặc yêu cầu điều chỉnh hợp đồng, hoặc yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng tùy trường hợp, không có lãi sau khi trừ đi chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có).

Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu FWD biết được việc Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ kê khai trung thực, hoặc không kê khai các Thông tin quan trọng nhằm giao kết Hợp đồng hoặc để được chấp thuận bảo hiểm, FWD có quyền yêu cầu Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm cung cấp, kê khai bổ sung các thông tin để xem xét, quyết định. Tùy từng trường hợp, FWD có quyền:

- (iv). Chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng, từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm (nếu có), và hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm tổng phí bảo hiểm đã đóng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (đối với Hợp đồng có thực hiện khôi phục hiệu lực), không có lãi, trừ đi các khoản sau đây (nếu có):
 - Bất kỳ khoản tiền nào Bên mua bảo hiểm đã nhận được từ Hợp đồng; và
 - Bất kỳ quyền lợi nào đã được chi trả theo Hợp đồng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; và
 - Các khoản Phí ban đầu, Phí quản lý hợp đồng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất đến ngày chấm dứt Hợp đồng; và

3. Thông tin Hợp đồng

- Chi phí kiểm tra sức khỏe; và
- Chi phí liên quan đến việc phát hành Hợp đồng.

Đồng thời, Bên mua bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho FWD (nếu có).

Hoặc

- (v). Chấm dứt hiệu lực (các) Sản phẩm bảo trợ và từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm của (các) Sản phẩm bảo trợ này, đồng thời hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm tổng phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bảo trợ này đã được đóng kể từ Ngày hiệu lực của (các) Sản phẩm bảo trợ hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Sản phẩm bảo trợ gần nhất, không có lãi, trừ đi các khoản sau đây (nếu có):
- Bất kỳ khoản tiền nào Bên mua bảo hiểm đã nhận được từ (các) Sản phẩm bảo trợ này; và
 - Bất kỳ quyền lợi nào đã được chi trả theo (các) Sản phẩm bảo trợ này kể từ Ngày hiệu lực của (các) Sản phẩm bảo trợ và/hoặc quyền lợi bảo hiểm, hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Sản phẩm bảo trợ gần nhất; và
 - Chi phí kiểm tra sức khỏe; và
 - Chi phí liên quan đến việc phát hành (các) Sản phẩm bảo trợ này.

Đồng thời, Bên mua bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho FWD (nếu có).

Hoặc

- (vi). Chấp thuận bảo hiểm có điều kiện cho Sản phẩm chính và/hoặc (các) Sản phẩm bảo trợ. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng ý với quyết định của FWD, tùy từng trường hợp, FWD có quyền chấm dứt hiệu lực Hợp đồng theo quy định tại Mục 3.1 (iv) hoặc chấm dứt hiệu lực (các) Sản phẩm bảo trợ theo quy định tại Mục 3.1 (v) nêu trên.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm không cung cấp, kê khai bổ sung các thông tin theo yêu cầu, FWD có quyền chấm dứt hiệu lực Hợp đồng theo quy định tại Mục 3.1 (iv) hoặc chấm dứt hiệu lực (các) Sản phẩm bảo trợ theo quy định tại Mục 3.1 (v) nêu trên.

Thông tin quan trọng là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn về tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp và tài chính mà nếu FWD biết được, FWD chỉ chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc không chấp thuận bảo hiểm.

3.2 Miễn truy xét

Ngoại trừ các **Thông tin quan trọng**, FWD sẽ không xem xét các nội dung kê khai không chính xác hoặc bỏ sót sau 2 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, hoặc Ngày hiệu lực của (các) Sản phẩm bảo trợ và/hoặc quyền lợi bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Sản phẩm bảo trợ gần nhất.

3. Thông tin Hợp đồng

3.3 Cập nhật thông tin cá nhân

Bên mua bảo hiểm cần thông báo cho FWD ngay khi có bất kỳ thay đổi nào dưới đây:

- (i). Trường hợp Người được bảo hiểm thay đổi nghề nghiệp hoặc cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam hơn 180 ngày (liên tục hay không liên tục) trong một năm dương lịch. Khi nhận được thông báo thay đổi của Bên mua bảo hiểm, FWD sẽ xem xét, đánh giá và đưa ra các quyết định căn cứ theo quy định chi tiết tại Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm trong Hợp đồng. FWD sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm về quyết định của mình.
- (ii). Trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm có thay đổi thông tin cá nhân (thẻ căn cước/căn cước công dân, hộ chiếu, địa chỉ liên lạc tại Việt Nam), Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm cần cung cấp cho FWD một bản sao của thẻ căn cước/căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương để chứng minh thông tin thay đổi.

3.4 Nghĩa vụ cung cấp thông tin của FWD

FWD có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến Hợp đồng cho Bên mua bảo hiểm.

Trường hợp FWD cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp đồng thì Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng và nhận lại toàn bộ phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đã đóng. FWD phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên mua bảo hiểm (nếu có) do việc cố ý cung cấp thông tin sai sự thật.

3.5 Nghĩa vụ bảo mật thông tin của FWD

FWD không chuyển giao thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm cung cấp tại Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau đây:

- (i). Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- (ii). Cho mục đích thẩm định, phát hành, bàn giao, phục vụ Hợp đồng, tái bảo hiểm, tính toán phí bảo hiểm, thu phí bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, xử lý và quản trị cơ sở dữ liệu; hoặc
- (iii). Nghiên cứu thiết kế sản phẩm, đánh giá chất lượng dịch vụ của FWD; hoặc
- (iv). Phòng chống trục lợi bảo hiểm; hoặc
- (v). Nghiên cứu, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn của FWD; hoặc
- (vi). Được Bên mua bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, với điều kiện Bên mua bảo hiểm được thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và được quyền lựa chọn giữa đồng ý hoặc không đồng ý với việc chuyển giao đó. Việc Bên mua bảo hiểm từ chối cho FWD chuyển giao thông tin cho bên thứ ba theo điểm này không được coi là lý do để FWD từ chối giao kết Hợp đồng.

4. Thời gian cân nhắc

Bên mua bảo hiểm có 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng để cân nhắc Hợp đồng này có phù hợp với nhu cầu của mình hay không. Hợp đồng vẫn có hiệu lực trong suốt thời gian cân nhắc.

Trong thời gian này, Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm cần kiểm tra lại toàn bộ Hợp đồng, bao gồm các thông tin của Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đã kê khai và được thể hiện trong Chứng nhận bảo hiểm, Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm để đảm bảo các thông tin được ghi nhận đầy đủ và chính xác.

Nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm thấy bất kỳ thông tin nào chưa được ghi nhận đầy đủ hay chính xác thì Bên mua bảo hiểm cần thông báo ngay cho FWD để được xác nhận hoặc điều chỉnh kịp thời. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm kê khai lại thông tin mà căn cứ vào các thông tin đó, FWD quyết định không chấp thuận bảo hiểm hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện nhưng Bên mua bảo hiểm không đồng ý, FWD sẽ hủy bỏ Hợp đồng, hoàn trả tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã khấu trừ các khoản sau (nếu có):

- Bất kỳ khoản tiền nào Bên mua bảo hiểm đã nhận được từ Hợp đồng; và
- Bất kỳ quyền lợi nào đã được chi trả theo Hợp đồng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng; và
- Chi phí kiểm tra sức khỏe.

Trong thời gian cân nhắc này, nếu Bên mua bảo hiểm quyết định không tiếp tục duy trì Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có thể gửi yêu cầu hủy Hợp đồng cho FWD bằng văn bản hoặc qua các hình thức ứng dụng điện tử do FWD cung cấp. Yêu cầu hủy Hợp đồng của Bên mua bảo hiểm phải được thực hiện trong thời gian cân nhắc và được xác định căn cứ theo thời điểm FWD nhận được yêu cầu. Trên cơ sở yêu cầu hợp lệ của Bên mua bảo hiểm, FWD sẽ hủy bỏ Hợp đồng, hoàn trả tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã khấu trừ các khoản sau (nếu có):

- Bất kỳ khoản tiền nào Bên mua bảo hiểm đã nhận được từ Hợp đồng; và
- Bất kỳ quyền lợi nào đã được chi trả theo Hợp đồng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng; và
- Chi phí kiểm tra sức khỏe.

5. Đóng phí bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ đóng đủ phí bảo hiểm theo định kỳ của Hợp đồng vào các Ngày đến hạn đóng phí để duy trì hiệu lực của Hợp đồng theo Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm trong Hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm sẽ có thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm theo Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm trong Hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm có thể thay đổi định kỳ đóng phí bằng cách gửi yêu cầu đến FWD. Ngày bắt đầu áp dụng định kỳ đóng phí mới là ngày ghi trên Thư xác nhận điều chỉnh thông tin hợp đồng.

6. Thay đổi Sản phẩm bảo trợ

6.1 Bổ sung (các) Sản phẩm bảo trợ

Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu bổ sung (các) Sản phẩm bảo trợ với điều kiện:

- (i). FWD có cung cấp (các) Sản phẩm bảo trợ đó; và
- (ii). Người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia (các) Sản phẩm bảo trợ, bao gồm nhưng không giới hạn các điều kiện về tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp; và
- (iii). Bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm theo quy định tại Mục 2.1 thuộc Phần 1 của Hợp đồng; và
- (iv). Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm cho (các) Sản phẩm bảo trợ.

Ngày hiệu lực của (các) Sản phẩm bảo trợ là ngày ghi trên Thư xác nhận điều chỉnh thông tin hợp đồng.

6.2 Chấm dứt (các) Sản phẩm bảo trợ

Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chấm dứt (các) Sản phẩm bảo trợ bằng cách gửi thông báo bằng văn bản tới FWD hoặc qua các hình thức điện tử được cung cấp bởi FWD.

Hiệu lực của (các) Sản phẩm bảo trợ sẽ chấm dứt kể từ ngày FWD nhận được yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, và FWD sẽ không thực hiện hoàn lại khoản phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của (các) Sản phẩm bảo trợ. FWD sẽ xác nhận chấm dứt (các) Sản phẩm bảo trợ bằng Thư xác nhận điều chỉnh thông tin hợp đồng.

<> 7. Chỉ định hoặc thay đổi Người thụ hưởng

Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải đảm bảo Người thụ hưởng được chỉ định và/hoặc thay đổi trong Hợp đồng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với Người được bảo hiểm theo quy định tại Mục 2.2 thuộc Phần 1 của Hợp đồng. FWD không có trách nhiệm xác minh về tính chính xác, hợp pháp cũng như tranh chấp (nếu có) của Bên mua bảo hiểm hoặc những người liên quan đến việc chỉ định và/hoặc thay đổi Người thụ hưởng.

Tại thời điểm lập Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể chỉ định hoặc thay đổi Người thụ hưởng với sự đồng ý của Người được bảo hiểm, và phải thông báo bằng văn bản cho FWD hoặc qua các hình thức điện tử được cung cấp bởi FWD.

Việc chỉ định, hoặc thay đổi Người thụ hưởng chỉ có hiệu lực khi được FWD xác nhận bằng văn bản, với điều kiện Người được bảo hiểm phải còn sống tại thời điểm FWD xác nhận.

8. Chuyển giao Hợp đồng

Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể chuyển giao toàn bộ Hợp đồng cho người khác. Khi đó bên nhận chuyển giao sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm đối với Hợp đồng. Người được bảo hiểm của Hợp đồng sẽ không thay đổi.

Điều kiện chuyển giao Hợp đồng:

- (i). Có sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm. Trường hợp Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi, hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm theo quy định pháp luật; và
- (ii). Tại thời điểm chuyển giao và tại thời điểm FWD chấp thuận bằng văn bản, Người được bảo hiểm còn sống; và
- (iii). Việc chuyển giao phù hợp với quy định của pháp luật; và
- (iv). Tại thời điểm chuyển giao Hợp đồng và tại thời điểm FWD chấp thuận bằng văn bản, bên nhận chuyển giao hợp đồng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm theo quy định tại Mục 2.1 thuộc Phần 1 của Hợp đồng. Bên nhận chuyển giao đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan tại thời điểm chuyển giao và các điều kiện để trở thành Bên mua bảo hiểm.

FWD không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, cũng như sự đầy đủ của việc chuyển giao Hợp đồng giữa Bên mua bảo hiểm và bên nhận chuyển giao. Tuy nhiên, việc chuyển giao Hợp đồng phải được thông báo cho FWD bằng văn bản hoặc qua các hình thức điện tử được cung cấp bởi FWD và bên nhận chuyển giao chỉ trở thành Bên mua bảo hiểm mới của Hợp đồng sau khi được FWD chấp thuận bằng văn bản.

Khi bên nhận chuyển giao trở thành Bên mua bảo hiểm mới, bên nhận chuyển giao sẽ thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng này, bao gồm cả các quyền, nghĩa vụ tồn đọng đã phát sinh trước ngày chuyển giao có hiệu lực nhưng chưa được Bên mua bảo hiểm hoặc FWD hoàn tất giải quyết. FWD có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đối với Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Quy tắc, điều khoản Sản phẩm.

9. Kế thừa thực hiện Hợp đồng

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không phải là Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính, khi Bên mua bảo hiểm tử vong trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng thì:

(i). **Nếu Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính chưa đủ 18 tuổi**

Người đại diện theo pháp luật hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng, cho đến khi Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật, khi đó Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng;

(ii). **Nếu Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính đã đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật**

Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng;

(iii). **Nếu Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính đã đủ 18 tuổi trở lên nhưng không có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng cho đến khi Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính đáp ứng điều kiện của Bên mua bảo hiểm, khi đó Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng.

9. Kế thừa thực hiện Hợp đồng

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm là tổ chức:

- | | |
|---|---|
| <p>(iv). Khi Bên mua bảo hiểm bị chia tách, sáp nhập, hợp nhất</p> | <p>thì bên kế thừa quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo quy định pháp luật sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm mới.</p> |
| <p>(v). Nếu Bên mua bảo hiểm bị phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc sau khi bị chia tách, sáp nhập, hợp nhất mà bên kế thừa quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo quy định pháp luật không đáp ứng các điều kiện để trở thành Bên mua bảo hiểm mới theo quy định của Hợp đồng</p> | <p>Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính trong Hợp đồng sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng. Trong trường hợp Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính không thỏa điều kiện để trở thành Bên mua bảo hiểm thì áp dụng các quy định liên quan tại Mục 9 (i), (ii), (iii) nêu trên.</p> |

Việc kế thừa thực hiện Hợp đồng phải được thông báo cho FWD bằng văn bản hoặc bằng các hình thức điện tử được cung cấp bởi FWD kèm theo các tài liệu liên quan, và chỉ có hiệu lực khi được FWD chấp thuận bằng văn bản.

Sau khi FWD chấp thuận bằng văn bản về việc kế thừa này, bên nhận kế thừa sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm mới, và thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng này, bao gồm cả các quyền, nghĩa vụ đã phát sinh trước ngày kế thừa có hiệu lực, nhưng chưa được Bên mua bảo hiểm hoặc FWD hoàn tất giải quyết. FWD có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ với Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Quy tắc, điều khoản Sản phẩm.

10. Quyền lợi bảo hiểm và yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

10.1 Quyền lợi bảo hiểm

Mỗi Sản phẩm được tham gia theo Hợp đồng này sẽ cung cấp (những) quyền lợi bảo hiểm khác nhau cho mỗi Người được bảo hiểm tương ứng. Quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm.

Mọi quyền lợi bảo hiểm được chi trả đã bao gồm các khoản thuế theo quy định mà người nhận quyền lợi bảo hiểm phải chịu (nếu có).

10.2 Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cần thông báo cho FWD về sự kiện bảo hiểm ngay khi có thể.



Vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của FWD theo địa chỉ: <https://www.fwd.com.vn/vi/claims/> hoặc gọi số 1800 96 96 90 để được hướng dẫn cụ thể.

Tùy thuộc vào mỗi quyền lợi bảo hiểm khác nhau mà hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm sẽ có sự khác nhau. Nội dung chi tiết tham khảo tại mục Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tại Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm.

10.3 Thời hạn nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải được gửi cho FWD trong vòng 12 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, trừ những trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng được FWD chấp thuận.

10. Quyền lợi bảo hiểm và yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

10.4 Thời hạn giải quyết quyền lợi bảo hiểm

FWD sẽ giải quyết các quyền lợi khi kết thúc Thời hạn bảo hiểm của Hợp đồng trong thời hạn 5 ngày và giải quyết các quyền lợi bảo hiểm khác trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ.

Nếu FWD giải quyết quyền lợi bảo hiểm chậm trễ hơn thời hạn nêu trên, FWD sẽ trả lãi cho phần quyền lợi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất tạm ứng tiền mặt tại thời điểm chi trả.

Việc chi trả quyền lợi sẽ được thực hiện bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc theo thỏa thuận giữa FWD và người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.



Vui lòng tham khảo mức lãi suất tạm ứng trên trang thông tin điện tử của FWD theo địa chỉ <https://www.fwd.com.vn/vi/support/interest-rate/>.

① 11. Quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

Trong các trường hợp sau đây, FWD có quyền yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp thông tin bổ sung để kiểm tra và/hoặc tự mình thu thập bổ sung thông tin để xem xét, đánh giá:

- Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm cập nhật hoặc thay đổi quốc tịch và/hoặc nơi cư trú sang quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong (i) danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc (ii) các danh sách khác theo quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền hoặc (iii) Danh sách bị cấm vận do các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế ban hành tại từng thời điểm mà FWD có nghĩa vụ phải tuân thủ; hoặc
- Vùng lãnh thổ mà Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm đang có quốc tịch và/hoặc đang cư trú nằm trong (i) danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc (ii) các danh sách khác theo quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền hoặc (iii) Danh sách bị cấm vận do các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế ban hành tại từng thời điểm mà FWD có nghĩa vụ phải tuân thủ; hoặc
- FWD biết được rằng Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm khác (nếu có) nằm trong (i) các danh sách tổ chức, cá nhân do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập và ban hành nhằm phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật Việt Nam; hoặc (ii) các Danh sách cá nhân, tổ chức bị cấm vận do các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế ban hành tại từng thời điểm mà FWD có nghĩa vụ phải tuân thủ; hoặc
- Các sự kiện bảo hiểm phát sinh tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong (i) danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc (ii) các danh sách khác theo quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền hoặc (iii) Danh sách bị cấm vận do các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế ban hành tại từng thời điểm mà FWD có nghĩa vụ phải tuân thủ.

Trên cơ sở các thông tin ở trên, tùy từng trường hợp FWD có thể:

- Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc
- Áp dụng các biện pháp thích hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc
- Thực hiện các quyền dưới đây:
 - Thông báo cho Bên mua bảo hiểm về việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng hoặc chi trả quyền lợi bảo hiểm; hoặc
 - Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng và hoàn trả Giá trị hoàn lại (nếu có) của Sản phẩm chính và phần phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với thời gian chưa được bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ đó (nếu có); hoặc

i 11. Quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

- Chấm dứt hiệu lực của (các) Sản phẩm hỗ trợ và hoàn trả phần phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với thời gian chưa được bảo hiểm của (các) Sản phẩm hỗ trợ đó (nếu có); hoặc
- Từ chối chi trả bồi thường và tùy từng trường hợp FWD sẽ thông báo về hiệu lực của Hợp đồng.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm khác (nếu có) không cung cấp thông tin, bổ sung giấy tờ theo yêu cầu của FWD, FWD có thể thực hiện các quyền trên đối với Hợp đồng.

Danh sách bị cấm vận do các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế ban hành và Danh sách cá nhân, tổ chức bị cấm vận do các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế ban hành bao gồm nhưng không giới hạn ở danh sách của:

1. Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (United Nations Security Council – ‘UN’); hoặc
2. Liên minh Châu Âu (European Union – ‘EU’); hoặc
3. Văn phòng Kiểm soát Tài sản Nước ngoài (Office of Foreign Assets Controls – ‘OFAC’) thuộc Bộ Tài chính Hoa Kỳ; hoặc
4. Văn phòng Thực thi Chế tài Tài chính thuộc Bộ Tài chính Vương quốc Anh (United Kingdom HM Treasury – ‘HMT’); hoặc
5. Chương trình Chế tài của Bermuda (Bermuda Sanctions Regime – ‘BSR’); hoặc
6. Cơ quan Tiền tệ Hồng Kông (Hong Kong Monetary Authority – ‘HKMA’).

12. Chấm dứt Hợp đồng

Ngoài các trường hợp chấm dứt Hợp đồng khác theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Quy tắc, điều khoản của từng Sản phẩm trong Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi có bất kỳ sự kiện nào dưới đây xảy ra:

- (i). Bên mua bảo hiểm hủy bỏ Hợp đồng trong thời gian cân nhắc theo quy định tại Mục 4 thuộc Phần 1 của Hợp đồng; hoặc
- (ii). Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng trước thời hạn; hoặc.
- (iii). Bên mua bảo hiểm yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng trong trường hợp FWD vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Mục 3.4 thuộc Phần 1 của Hợp đồng; hoặc
- (iv). Hợp đồng mất hiệu lực theo quy định tại Mục 5.3 thuộc Phần 2 của Hợp đồng, quá 2 năm liên tục; hoặc
- (v). Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính tử vong; hoặc
- (vi). FWD chấp thuận chi trả quyền lợi TTTBVV cho trường hợp tại Mục 1.1.1 (ii) thuộc Phần 2 của Hợp đồng; hoặc
- (vii). FWD chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ kê khai trung thực, theo quy định tại Mục 3.1 thuộc Phần 1 của Hợp đồng; hoặc
- (viii). FWD chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên mua bảo hiểm cập nhật thông tin cá nhân theo quy định tại Mục 3.3 (i) thuộc Phần 1 của Hợp đồng; hoặc
- (ix). FWD chấm dứt Hợp đồng theo quy định về Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố tại Mục 11 thuộc Phần 1 của Hợp đồng.

13. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc hòa giải. Nếu các bên không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, một bên có quyền đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là 3 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Phần 2:

Quy tắc, điều khoản Sản phẩm chính

**Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị
đóng phí định kỳ 2025**

FWD Đầu tư đón đầu

Các thuật ngữ và điều khoản sản phẩm được đề cập trong Phần 1 – Những điều khoản chung của Hợp đồng bảo hiểm, sẽ được áp dụng cho Sản phẩm chính, trừ khi được định nghĩa hoặc quy định cụ thể khác đi trong Quy tắc, điều khoản Sản phẩm chính.

Trong trường hợp có sự khác nhau, Quy tắc, điều khoản Sản phẩm chính sẽ được áp dụng để giải thích các quyền, nghĩa vụ của FWD, Bên mua bảo hiểm, và quyền lợi bảo hiểm được cung cấp theo Sản phẩm chính.

Mục lục

Phần 2: Quy tắc, điều khoản Sản phẩm chính

1. Quyền lợi bảo hiểm

- 1.1 Quyền lợi bảo vệ
 - 1.2 Quyền lợi đầu tư
 - 1.3 Quyền lợi cộng thêm
-

2. Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- 2.1 Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm
 - 2.2 Thứ tự ưu tiên giải quyết quyền lợi bảo hiểm
-

3. Tài khoản Hợp đồng

- 3.1 Phí bảo hiểm và phương thức phân bổ phí bảo hiểm
 - 3.2 Phí bảo hiểm cơ bản và Tài khoản bảo hiểm
 - 3.3 Khoản đầu tư thêm và Tài khoản đầu tư thêm
-

4. Thông tin về Quỹ

- 4.1 Thành lập Quỹ
 - 4.2 Danh mục Quỹ
 - 4.3 Định giá Đơn vị quỹ
 - 4.4 Các biện pháp bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm
 - 4.5 Mua và bán Đơn vị quỹ
-

5. Hiệu lực Hợp đồng

- 5.1 Đảm bảo duy trì hiệu lực Hợp đồng
 - 5.2 Thời gian gia hạn đóng phí
 - 5.3 Mất hiệu lực Hợp đồng
 - 5.4 Khôi phục hiệu lực Hợp đồng
 - 5.5 Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng
-

6. Điều chỉnh Hợp đồng

- 6.1 Rút tiền từ Tài khoản hợp đồng
 - 6.2 Thay đổi Số tiền bảo hiểm
 - 6.3 Chỉ định và thay đổi Tỷ lệ phân bổ quỹ
 - 6.4 Chuyển đổi Quỹ
 - 6.5 Nhầm lẫn khi kê khai tuổi, giới tính
 - 6.6 Cập nhật thông tin cá nhân
-

1. Quyền lợi bảo hiểm

Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính được tóm tắt như sau:

Quyền lợi bảo vệ



Quyền lợi Thương tật toàn bộ vĩnh viễn



Quyền lợi tử vong

Quyền lợi đầu tư



Quyền lợi đầu tư vào Quỹ liên kết đơn vị



Quyền lợi kết thúc Thời hạn bảo hiểm

Quyền lợi cộng thêm



Thưởng Đồng hành



Thưởng Tri ân

1.1 Quyền lợi bảo vệ

(Các) quyền lợi bảo vệ tại Mục 1.1 này sẽ được áp dụng khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian Hợp đồng đang có hiệu lực.

(Các) quyền lợi bảo vệ tại Mục 1.1 này sẽ được chi trả sau khi trừ các Khoản nợ (nếu có).

1. Quyền lợi bảo hiểm

Khoản nợ bao gồm các khoản sau đây:

Khoản nợ	Diễn giải
Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ đã đến hạn nhưng chưa được đóng đủ trước thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên.
Phí bảo hiểm rủi ro; và	Các khoản phí này còn nợ trong thời gian: (i). Hợp đồng đang được đảm bảo duy trì hiệu lực theo quy định tại Mục 5.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng; và/hoặc (ii). Gia hạn đóng phí 60 ngày theo quy định tại Mục 5.2.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng.
Phí quản lý hợp đồng	

1.1.1 Quyền lợi Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Sự kiện bảo hiểm



Người được bảo hiểm bị TTTBVV.

Quyền lợi



(i). Trường hợp TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa, FWD sẽ chi trả:



10%
Số tiền bảo hiểm

tại thời điểm Người được bảo hiểm được chứng nhận bị TTTBVV, **nhưng không vượt quá 100 triệu đồng.**

1. Quyền lợi bảo hiểm

Quyền lợi



(ii). Trường hợp TTTBVV không phải do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa, FWD sẽ chi trả:



100% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm Người được bảo hiểm được chứng nhận bị TTTBVV;



Giá trị Tài khoản hợp đồng tại thời điểm Người được bảo hiểm được chứng nhận bị TTTBVV. Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định theo:



- Số lượng Đơn vị quỹ tại ngày Người được bảo hiểm được chứng nhận bị TTTBVV; và
- Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày FWD chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm này.

Điều kiện chi trả



- Hợp đồng đang có hiệu lực tại thời điểm bệnh hoặc tổn thương dẫn đến TTTBVV xảy ra; và
- Hợp đồng đang có hiệu lực tại ngày mà bệnh hoặc tổn thương được chứng nhận là thỏa định nghĩa TTTBVV tại Mục 1.22 thuộc Phần 1 của Hợp đồng; và
- FWD chỉ chi trả quyền lợi TTTBVV nếu TTTBVV không thuộc Tình trạng tồn tại trước và thỏa điều kiện về Thời gian chờ.

Người được bảo hiểm trong Sản phẩm chính là cá nhân có sức khỏe, tính mạng được bảo hiểm, đang cư trú tại Việt Nam tại thời điểm xác nhận đồng ý tham gia bảo hiểm, có tuổi từ 30 ngày tuổi đến 70 tuổi tính theo lần sinh nhật vừa qua tại Ngày hiệu lực hợp đồng. Tuổi tối đa của Người được bảo hiểm khi kết thúc Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm chính là 80 tuổi.

Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa thuộc phạm vi bảo vệ của Sản phẩm chính bao gồm ung thư tuyến giáp thể nhú hoặc ung thư tuyến giáp thể nang.

1. Quyền lợi bảo hiểm

Tình trạng tồn tại trước là:

- Bất kỳ triệu chứng, dấu hiệu bất thường và là nguyên nhân dẫn đến việc khám và/hoặc điều trị của Người được bảo hiểm, khởi phát trong vòng 12 tháng trước ngày được nêu dưới đây, mà nếu biết được FWD đã không chấp thuận bảo hiểm hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện.

Thời hạn 12 tháng ở trên được tính từ 1 trong 2 ngày được liệt kê dưới đây trở về trước, lấy ngày nào đến sau:

(i) Ngày hiệu lực hợp đồng; hoặc

(ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (đối với trường hợp Hợp đồng có khôi phục hiệu lực).

- Tình trạng bệnh hoặc tổn thương của Người được bảo hiểm đã được khám, xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, phẫu thuật trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (đối với trường hợp Hợp đồng có khôi phục hiệu lực).

Việc xác định Tình trạng tồn tại trước sẽ căn cứ vào hồ sơ y tế được lưu trữ tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế được thành lập hợp pháp, các tài liệu y khoa được Bộ Y tế và các cơ quan có thẩm quyền ban hành, hoặc các thông tin do Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm tự kê khai trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc các phiếu kê khai thông tin hoặc bảng kê khai sức khỏe.

Thời gian chờ là khoảng thời gian mà nếu việc khám và/hoặc điều trị bệnh của Người được bảo hiểm xảy ra trong khoảng thời gian này, FWD sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm được liệt kê trong Quy tắc, điều khoản Sản phẩm chính. Thời gian chờ được áp dụng cụ thể như sau:

- Trường hợp Người được bảo hiểm bị TTTBVV:
 - Đối với trường hợp Người được bảo hiểm bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên do bệnh, thời gian chờ là 90 ngày tính từ (i) Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (đối với trường hợp Hợp đồng có khôi phục hiệu lực), tùy ngày nào xảy ra sau.
 - Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tăng Số tiền bảo hiểm, thời gian chờ 90 ngày sẽ áp dụng cho phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm, tính từ (i) Ngày Số tiền bảo hiểm mới có hiệu lực hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (đối với trường hợp Hợp đồng có khôi phục hiệu lực), tùy ngày nào xảy ra sau.

Đối với trường hợp Người được bảo hiểm bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên do Tai nạn hoặc các nguyên nhân khác: không áp dụng Thời gian chờ.

- Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong: không áp dụng Thời gian chờ.

1. Quyền lợi bảo hiểm



- Hợp đồng bao gồm Sản phẩm chính và (các) Sản phẩm bổ trợ sẽ chấm dứt hiệu lực sau khi FWD chấp thuận chi trả quyền lợi TTTBVV cho trường hợp tại Mục 1.1.1 (ii) thuộc Phần 2 của Hợp đồng.
- Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa nêu tại Mục 1.1.1 (i), thuộc Phần 2 của Hợp đồng được chi trả 1 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm. Quyền lợi này không vượt quá 100 triệu đồng cho cùng 1 Người được bảo hiểm trên tất cả các Hợp đồng có hiệu lực với FWD, bao gồm Sản phẩm này và các sản phẩm khác có quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa, được FWD triển khai trong tương lai. Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực và Bên mua bảo hiểm cần tiếp tục đóng các khoản phí bảo hiểm khi đến hạn để duy trì hiệu lực Hợp đồng.
- Trong suốt Thời hạn bảo hiểm, sự kiện Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa chỉ được tính 1 lần để xác định Quyền lợi TTTBVV tại Mục 1.1.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng.
- Tổng quyền lợi TTTBVV được chi trả cho cùng 1 Người được bảo hiểm của tất cả các Hợp đồng đang có hiệu lực với FWD sẽ không vượt quá mức giới hạn tối đa được FWD thông báo trong Minh họa quyền lợi bảo hiểm, Chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Thư chấp thuận bảo hiểm có điều kiện.

1. Quyền lợi bảo hiểm

1.1.2 Quyền lợi tử vong

Sự kiện bảo hiểm



Người được bảo hiểm tử vong.

Quyền lợi



FWD sẽ chi trả:



100% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong



Giá trị Tài khoản hợp đồng tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong. Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định theo:



- Số lượng Đơn vị quỹ tại ngày Người được bảo hiểm tử vong; và
- Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày FWD chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm này.



Hợp đồng bao gồm Sản phẩm chính và (các) Sản phẩm bổ trợ sẽ chấm dứt hiệu lực sau khi Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính tử vong

1. Quyền lợi bảo hiểm

1.1.3 Các trường hợp loại trừ bảo hiểm

FWD sẽ không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo vệ nào nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra thuộc một trong những trường hợp sau:

(i). Người được bảo hiểm tự tử hay tự gây thương tích cho bản thân dù trong tình trạng tỉnh táo hay không tỉnh táo.

- Loại trừ này sẽ chỉ áp dụng trong 24 tháng tính từ (i) Ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (đối với trường hợp Hợp đồng có khôi phục hiệu lực), lấy ngày nào xảy ra sau;
- Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tăng Số tiền bảo hiểm, thời hạn 24 tháng sẽ áp dụng cho phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm kể từ (i) Ngày Số tiền bảo hiểm mới có hiệu lực, hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (đối với trường hợp Hợp đồng có khôi phục hiệu lực), lấy ngày nào xảy ra sau.

(ii). Sự kiện bảo hiểm là hậu quả của:

- Hành vi vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm; hoặc
- Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng hoặc bất kỳ người nào sẽ nhận quyền lợi bảo hiểm có Hành vi vi phạm pháp luật đối với Người được bảo hiểm.

Trường hợp Hợp đồng có nhiều hơn một Người thụ hưởng hoặc người sẽ nhận quyền lợi bảo hiểm, mà Người thụ hưởng hoặc người sẽ nhận quyền lợi bảo hiểm gây ra Hành vi vi phạm pháp luật đối với Người được bảo hiểm, FWD vẫn chi trả quyền lợi bảo hiểm cho (những) Người thụ hưởng hoặc người sẽ nhận quyền lợi bảo hiểm còn lại. Tỷ lệ chi trả sẽ tương ứng với tỷ lệ mà (những) Người thụ hưởng hoặc người sẽ nhận quyền lợi bảo hiểm còn lại đó được hưởng trong Hợp đồng.

Trong trường hợp FWD không chi trả quyền lợi bảo vệ được nêu tại Mục 1.1.2 thuộc Phần 2 của Hợp đồng do Người được bảo hiểm tử vong thuộc trường hợp loại trừ, Hợp đồng bao gồm Sản phẩm chính và (các) Sản phẩm bổ trợ sẽ chấm dứt. FWD sẽ chi trả giá trị nào lớn hơn của:

- Giá trị hoàn lại của Sản phẩm chính tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng; và
- Toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng của Sản phẩm chính, không có lãi, sau khi trừ đi các khoản tiền đã rút từ Hợp đồng (nếu có).

Đối với các trường hợp FWD có áp dụng thêm loại trừ bảo hiểm bổ sung, nội dung loại trừ bảo hiểm bổ sung này sẽ được thể hiện bằng văn bản.

1. Quyền lợi bảo hiểm

Giá trị hoàn lại là số tiền mà Bên mua bảo hiểm sẽ nhận lại khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm.

Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm là Ngày kỷ niệm năm sau khi Người được bảo hiểm đủ 80 tuổi.



Nếu Giá trị Tài khoản bảo hiểm < [Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn + Khoản nợ (nếu có)] thì Giá trị hoàn lại = Giá trị Tài khoản đầu tư thêm (nếu có).

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là khoản phí FWD khấu trừ khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn và chỉ áp dụng trên Tài khoản bảo hiểm.

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) Phí bảo hiểm cơ bản quy năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng, và áp dụng tại năm mà Hợp đồng mất hiệu lực hoặc chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước. Tỷ lệ phần trăm (%) không vượt quá mức tối đa như bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng	80%	80%	60%	40%	20%	10%	0%

1. Quyền lợi bảo hiểm

1.2 Quyền lợi đầu tư

1.2.1 Quyền lợi đầu tư vào Quỹ liên kết đơn vị

Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm được quyền lựa chọn đầu tư Phí bảo hiểm cơ bản và Khoản đầu tư thêm vào (các) Quỹ liên kết đơn vị (Quỹ), tùy theo mục tiêu đầu tư và mức độ chấp nhận rủi ro của mình.

Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư thực tế (sau khi trừ Phí quản lý quỹ) của (các) Quỹ đã lựa chọn và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các Quỹ này.

Kết quả đầu tư thực tế không được đảm bảo và được thể hiện qua Giá đơn vị quỹ tại mỗi Ngày định giá.

1.2.2 Quyền lợi kết thúc Thời hạn bảo hiểm

Nếu Hợp đồng còn hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống tại Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm, FWD sẽ chi trả toàn bộ giá trị Tài khoản hợp đồng (nếu có) sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có).

Giá trị Tài khoản hợp đồng được xác định theo:

- Số lượng Đơn vị quỹ tại Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm; và
- Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm.

FWD sẽ thông báo đến Bên mua bảo hiểm về việc chi trả quyền lợi này.



Vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của FWD theo địa chỉ <https://www.fwd.com.vn/dich-vu-truc-tuyen> để kiểm tra giá trị Tài khoản hợp đồng hoặc gọi số 1800 96 96 90 để được hướng dẫn cụ thể.

1.3 Quyền lợi cộng thêm

(Các) quyền lợi cộng thêm tại Mục 1.3 này sẽ được áp dụng trong thời gian Hợp đồng đang có hiệu lực.

1.3.1 Thưởng Đồng hành

Quyền lợi thưởng



Thưởng Đồng hành là quyền lợi thưởng định kỳ mỗi 3 năm, bằng 3% (ba phần trăm) giá trị bình quân của Tài khoản bảo hiểm trong 36 tháng của mỗi Giai đoạn xét thưởng.

1. Quyền lợi bảo hiểm

Thời điểm xét thưởng và trả thưởng



Các khoản thưởng này sẽ được FWD xét thưởng và chi trả vào cuối Năm hợp đồng thứ 3, thứ 6, thứ 9, thứ 12, thứ 15 và thứ 18.

Cách thức trả thưởng



Các khoản thưởng này sẽ được tự động phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm theo Tỷ lệ phân bổ quỹ của Phí bảo hiểm cơ bản đang áp dụng tại thời điểm trả thưởng.

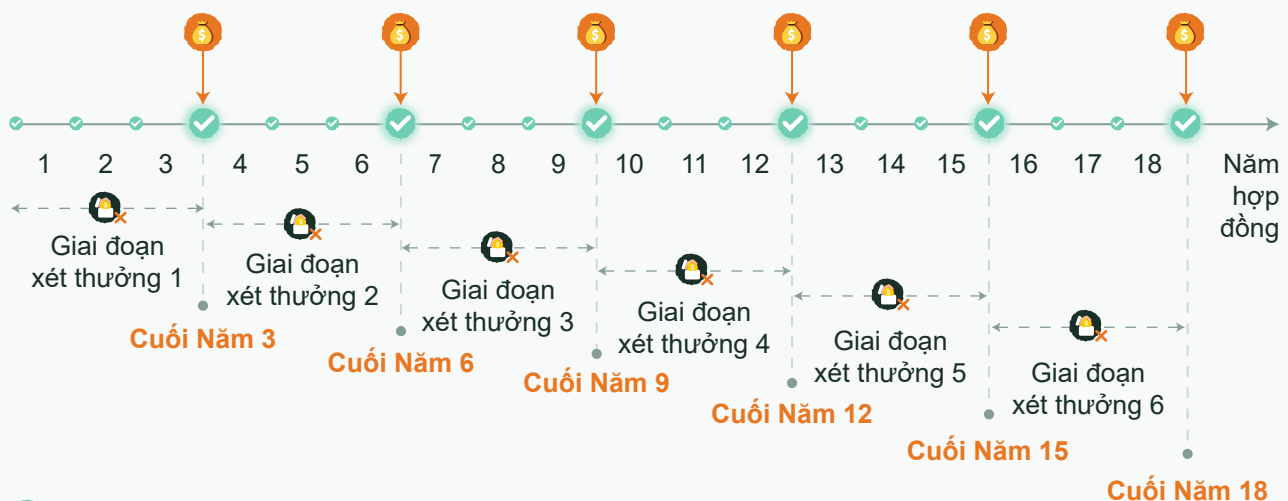
Các khoản thưởng này sau khi được phân bổ sẽ được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau thời điểm trả thưởng

Điều kiện nhận thưởng



Các điều kiện nhận thưởng sau cần được đáp ứng:

- Từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến thời điểm xét thưởng, Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi Năm hợp đồng cần được đóng đầy đủ và đúng hạn tại Ngày đến hạn đóng phí, hoặc trong thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí; và
- Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm trong mỗi giai đoạn xét thưởng.



- ✓ Đóng đủ phí và đúng hạn
- 💰 Thỏa điều kiện nhận thưởng
- 🚫 Không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm

1. Quyền lợi bảo hiểm

Giai đoạn xét thưởng



Việc xét thưởng được chia thành 6 giai đoạn, mỗi giai đoạn bằng 3 Năm hợp đồng liên tiếp, cụ thể như sau:

Giai đoạn xét thưởng 1:

bắt đầu từ đầu Năm hợp đồng thứ nhất đến hết Năm hợp đồng thứ 3.

Giai đoạn xét thưởng 2:

bắt đầu từ đầu Năm hợp đồng thứ 4 đến hết Năm hợp đồng thứ 6.

Giai đoạn xét thưởng 3:

bắt đầu từ đầu Năm hợp đồng thứ 7 đến hết Năm hợp đồng thứ 9.

Giai đoạn xét thưởng 4:

bắt đầu từ đầu Năm hợp đồng thứ 10 đến hết Năm hợp đồng thứ 12.

Giai đoạn xét thưởng 5:

bắt đầu từ đầu Năm hợp đồng thứ 13 đến hết Năm hợp đồng thứ 15.

Giai đoạn xét thưởng 6:

bắt đầu từ đầu Năm hợp đồng thứ 16 đến hết Năm hợp đồng thứ 18.

1. Quyền lợi bảo hiểm

1.3.2 Thưởng Tri ân

Quyền lợi thưởng

Thưởng Tri ân là quyền lợi thưởng đặc biệt, bằng 100% (một trăm phần trăm) Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của Năm hợp đồng thứ nhất.

Thời điểm xét thưởng và trả thưởng

Khoản thưởng này sẽ được FWD xét thưởng và chi trả vào cuối Năm hợp đồng thứ 10, thứ 15 và thứ 20

Cách thức trả thưởng

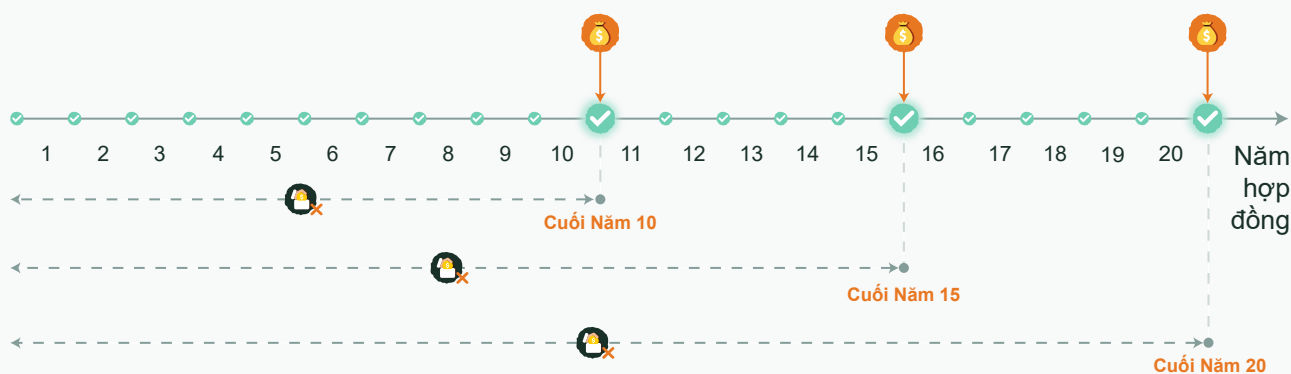
Các khoản thưởng này sẽ được tự động phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm theo Tỷ lệ phân bổ quỹ của Phí bảo hiểm cơ bản đang áp dụng tại thời điểm trả thưởng.

Các khoản thưởng này sau khi được phân bổ sẽ được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau thời điểm trả thưởng.

Điều kiện nhận thưởng

Các điều kiện nhận thưởng sau cần được đáp ứng:

- Từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến thời điểm xét thưởng, Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi Năm hợp đồng cần được đóng đầy đủ và đúng hạn tại Ngày đến hạn đóng phí, hoặc trong thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí; và
- Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến thời điểm xét thưởng và trả thưởng.



-  Đóng đủ phí và đúng hạn
-  Thỏa điều kiện nhận thưởng
-  Không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm

2. Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

2.1 Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

(i). Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm được điền đầy đủ thông tin theo mẫu của FWD.



Vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của FWD theo địa chỉ <https://www.fwd.com.vn/vi/claims/> để tải Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm hoặc gọi số 1800 96 96 90 để được hướng dẫn cụ thể.

(ii). Các giấy tờ chứng minh sự kiện bảo hiểm:

Trường hợp tử vong

- Trích lục khai tử;
- Giấy báo tử (nếu có);
- Chứng từ y khoa và các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp TTTBVV

- Trường hợp Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể:
 - Bản gốc giấy ra viện, tóm tắt hồ sơ bệnh án;
 - Giấy chứng nhận phẫu thuật (nếu có).
- Trường hợp Người được bảo hiểm bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể hoặc bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên:
 - Biên bản giám định thương tật do Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc tổ chức giám định y tế hợp pháp được FWD chấp thuận xác nhận tình trạng thương tật của Người được bảo hiểm. Biên bản giám định thương tật, phương pháp giám định thương tật và tình trạng thương tật cần thỏa các quy định liên quan theo pháp luật hiện hành.
- Chứng từ y khoa và các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

(iii). Các giấy tờ hỗ trợ chứng minh sự kiện bảo hiểm (nếu có):

- Trường hợp Tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác minh, điều tra: Biên bản tai nạn, biên bản khám nghiệm hiện trường, báo cáo kết luận điều tra, biên bản giám định pháp y được cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Trường hợp Tai nạn sinh hoạt hoặc vụ Tai nạn không được cơ quan có thẩm quyền xác minh, điều tra: Bản tường trình chi tiết tình huống Tai nạn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra Tai nạn.

2. Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- (iv). Bảng chứng hợp pháp xác nhận người nhận quyền lợi bảo hiểm được phép nhận quyền lợi bảo hiểm: căn cước công dân/giấy khai sinh/giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và giấy ủy quyền, di chúc hoặc văn bản khai nhận và phân chia di sản thừa kế hoặc các bằng chứng hợp pháp khác.
- (v). Trong mọi trường hợp, FWD có quyền yêu cầu Người được bảo hiểm tiến hành xét nghiệm y khoa, giám định lại tình trạng thương tật/tổn thương tại một cơ sở y tế độc lập theo sự thỏa thuận giữa FWD và Bên mua bảo hiểm. FWD và Bên mua bảo hiểm phải tuân theo kết quả cuối cùng này. Tất cả chi phí khám y khoa do FWD yêu cầu trong trường hợp này sẽ do FWD chịu.



FWD có thể yêu cầu các giấy tờ bản gốc chứng minh sự kiện bảo hiểm. Trường hợp bản gốc của các giấy tờ được yêu cầu bị mất, giấy tờ thay thế phải có giá trị tương đương và theo hướng dẫn của FWD tùy từng trường hợp cụ thể.

2.2 Thứ tự ưu tiên giải quyết quyền lợi bảo hiểm

FWD chi trả các quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên tương ứng với từng trường hợp sau:

2.2.1 Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong:

- (i). Người thụ hưởng;
- (ii). Trường hợp Người thụ hưởng tử vong:
 - Nếu Người thụ hưởng tử vong sau Người được bảo hiểm: Người thừa kế hợp pháp của Người thụ hưởng;
 - Nếu Người thụ hưởng tử vong trước hoặc cùng thời điểm với Người được bảo hiểm: Người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.
- (iii). Trường hợp Hợp đồng không có chỉ định Người thụ hưởng:
 - Nếu Bên mua bảo hiểm là cá nhân: Bên mua bảo hiểm hoặc Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tử vong;
 - Nếu Bên mua bảo hiểm là tổ chức: Người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm. Trong trường hợp tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong, Người được bảo hiểm không có người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật thì FWD sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.

2. Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

2.2.2 Trường hợp Người được bảo hiểm bị TTTBVV:

Bên mua bảo hiểm là cá nhân

- (i). Bên mua bảo hiểm;
- (ii). Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tử vong.

Bên mua bảo hiểm là tổ chức

- (i). Người được bảo hiểm;
 - (ii). Người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong.
-

Trường hợp chi trả Quyền lợi kết thúc Thời hạn bảo hiểm tại Mục 1.2.2 thuộc Phần 2 của Hợp đồng:

Bên mua bảo hiểm là cá nhân

- (i). Bên mua bảo hiểm;
- (ii). Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tử vong.

Bên mua bảo hiểm là tổ chức

- (i). Bên mua bảo hiểm;
 - (ii). Bên kế thừa hợp pháp của Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không còn tồn tại.
-

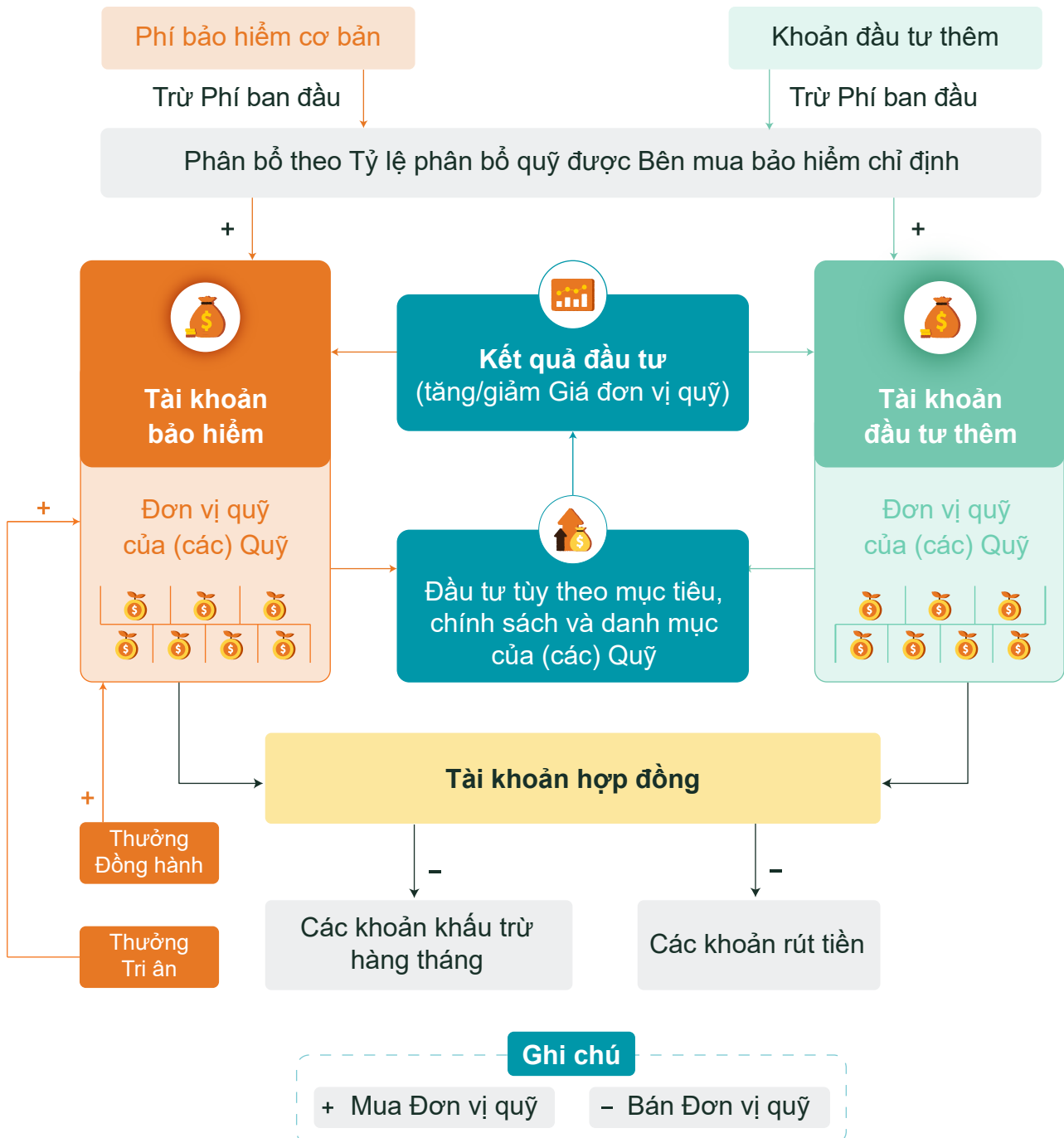
3. Tài khoản hợp đồng

Tài khoản hợp đồng của Sản phẩm chính bao gồm Tài khoản bảo hiểm và Tài khoản đầu tư thêm. Hàng năm, FWD sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm về giá trị của Tài khoản hợp đồng.



Ngoài ra, Bên mua bảo hiểm có thể truy cập FWD Dịch vụ trực tuyến tại địa chỉ <https://www.fwd.com.vn/dich-vu-truc-tuyen> vào bất kỳ lúc nào để biết thông tin cập nhật về giá trị của Tài khoản hợp đồng.

Tài khoản hợp đồng được hoạt động như sau:



3. Tài khoản hợp đồng

Phí ban đầu là khoản phí được khấu trừ từ phí bảo hiểm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng, bao gồm Phí ban đầu của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí ban đầu của Khoản đầu tư thêm.

Phí ban đầu của Phí bảo hiểm cơ bản được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản tại Năm đóng phí mà Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ. Tỷ lệ phần trăm (%) không vượt quá mức tối đa như bảng sau:

Năm đóng phí	1	2	3 đến 5	6 đến 10	11 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản	50%	30%	20%	2%	0%

Năm đóng phí được hiểu là Năm hợp đồng mà Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ. Trường hợp Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ trong một Năm hợp đồng, Phí ban đầu của Năm hợp đồng đó sẽ được áp dụng cho khoản Phí bảo hiểm cơ bản còn lại.

Tỷ lệ Phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu còn lại sau khi trừ Phí ban đầu được phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm như bảng sau:

Năm đóng phí	1	2	3 đến 5	6 đến 10	11 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản	50%	70%	80%	98%	100%

Phí ban đầu của Khoản đầu tư thêm được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Khoản đầu tư thêm tại Năm hợp đồng mà Khoản đầu tư thêm được phân bổ. Tỷ lệ phần trăm (%) không vượt quá mức tối đa như bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3 đến 5	6 đến 10	11 trở đi
% Khoản đầu tư thêm	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	0%

Tỷ lệ Khoản đầu tư thêm tối thiểu còn lại sau khi trừ Phí ban đầu được phân bổ vào Tài khoản đầu tư thêm như bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3 đến 5	6 đến 10	11 trở đi
% Khoản đầu tư thêm	98,5%	98,5%	98,5%	98,5%	100%

3. Tài khoản hợp đồng

Ví dụ:

Anh A tham gia Sản phẩm chính với Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm là 20 triệu đồng.

Năm hợp đồng thứ 1

Anh A đóng phí đầy đủ, và tỷ lệ Phí ban đầu được áp dụng là 50%.

Năm hợp đồng thứ 2

Anh A không đóng Phí bảo hiểm cơ bản, dẫn đến Hợp đồng bị mất hiệu lực.

Năm hợp đồng thứ 3

Anh A khôi phục hiệu lực hợp đồng, và đóng phí 50 triệu đồng. Khoản phí này sẽ được phân bổ như sau:

- 20 triệu đồng được phân bổ vào Phí bảo hiểm cơ bản cho Năm hợp đồng thứ 2 và tỷ lệ Phí ban đầu được áp dụng là 30%.
- 20 triệu đồng được phân bổ vào Phí bảo hiểm cơ bản cho Năm hợp đồng thứ 3 và tỷ lệ Phí ban đầu được áp dụng là 20%.
- 10 triệu đồng còn lại được phân bổ vào Khoản đầu tư thêm cho Năm hợp đồng thứ 3 và tỷ lệ Phí ban đầu được áp dụng là 1,5%.

Tỷ lệ phân bổ quỹ là tỷ lệ được Bên mua bảo hiểm lựa chọn để phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản và Khoản đầu tư thêm vào (các) Quỹ sau khi trừ Phí ban đầu. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Tỷ lệ phân bổ quỹ khác nhau cho Phí bảo hiểm cơ bản và Khoản đầu tư thêm.

Đơn vị quỹ là tài sản của mỗi Quỹ được chia thành nhiều phần, có giá trị bằng nhau.

Giá đơn vị quỹ là giá của một Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ của các Quỹ khác nhau có thể khác nhau. Giá đơn vị quỹ được FWD công bố tại các Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu hàng tuần trên trang thông tin điện tử của FWD.

Phí quản lý quỹ là khoản tiền FWD khấu trừ để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ.

Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi công bố Giá đơn vị quỹ vào mỗi Ngày định giá, được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng tài sản của Quỹ và khác nhau theo từng loại Quỹ.

3. Tài khoản hợp đồng

Quỹ	Phí quản lý quỹ (tối đa)
Quỹ Vươn mình	2,5%/năm
Quỹ Năng động	2,5%/năm
Quỹ Tăng trưởng	2,5%/năm
Quỹ Chiến lược	2,5%/năm
Quỹ Cân bằng	2,0%/năm
Quỹ Ổn định	1,5%/năm
Quỹ Tích lũy	1,5%/năm

Tài khoản bảo hiểm là tài khoản được hình thành từ Phí bảo hiểm cơ bản, Thường Đồng hành và Thường Tri ân. Tài khoản bảo hiểm bao gồm các Đơn vị quỹ của (các) Quỹ được Bên mua bảo hiểm lựa chọn đầu tư.

Tài khoản đầu tư thêm là tài khoản được hình thành từ Khoản đầu tư thêm. Tài khoản đầu tư thêm bao gồm các Đơn vị quỹ của (các) Quỹ được Bên mua bảo hiểm lựa chọn đầu tư.

Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí FWD khấu trừ vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng, để chi trả các Quyền lợi bảo vệ tại Mục 1.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng. Một số lượng Đơn vị quỹ của Tài khoản hợp đồng sẽ được tự động bán để khấu trừ khoản phí này.

Phí bảo hiểm rủi ro được xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, tuổi, giới tính và các yếu tố làm tăng rủi ro của Người được bảo hiểm tại thời điểm khấu trừ.

Trong suốt Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm chính, FWD có thể thay đổi tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro theo sự chấp thuận của Bộ Tài chính, hoặc theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm. Nếu có sự thay đổi, FWD sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm 3 tháng trước khi áp dụng. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng ý với việc thay đổi tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro, Bên mua bảo hiểm có thể chấm dứt Hợp đồng và nhận Giá trị hoàn lại.

Phí quản lý hợp đồng là khoản phí được FWD khấu trừ vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng, để chi trả cho việc quản lý, duy trì và cung cấp các dịch vụ liên quan đến Hợp đồng. Một số lượng Đơn vị quỹ của Tài khoản hợp đồng sẽ được tự động bán để khấu trừ khoản phí này.

Phí quản lý hợp đồng là 40.000 đồng/tháng, và mỗi năm tăng 5.000 đồng/tháng cho tới khi đạt mức tối đa là 60.000 đồng/tháng, cụ thể như bảng dưới đây:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5 trở đi
Phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	40.000	45.000	50.000	55.000	60.000

3. Tài khoản hợp đồng

Ví dụ minh họa

Tại Ngày kỷ niệm tháng, tổng Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng giả định là 1.000.000 đồng.

Tại Ngày định giá ngay sau Ngày kỷ niệm tháng này, giả định:

	Quỹ được Bên mua bảo hiểm lựa chọn	
	Quỹ Chiến lược	Quỹ Cân bằng
Giá trị Quỹ (đồng)	60.000.000	40.000.000
Tỷ lệ giá trị của từng Quỹ (%)	60%	40%
Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ từ từng Quỹ (đồng)	600.000 (60% x 1.000.000)	400.000 (40% x 1.000.000)
Giá đơn vị quỹ (đồng)	30.000	10.000
Số lượng Đơn vị quỹ được bán từ từng Quỹ để chi trả cho Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng	20 (600.000 / 30.000)	40 (400.000 / 10.000)

Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ từ Tài khoản bảo hiểm. Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ từ Tài khoản đầu tư thêm nếu:

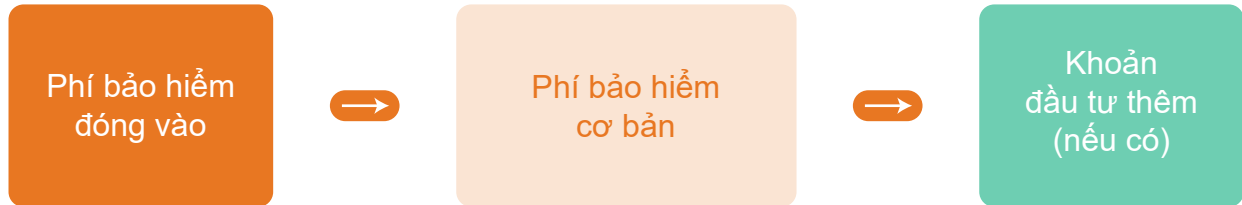
- Trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên: Tài khoản bảo hiểm không còn đủ để khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng, và Hợp đồng không còn được đảm bảo duy trì hiệu lực, theo quy định tại Mục 5.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng.
- Từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi: Tài khoản bảo hiểm không còn đủ để khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.

Ngày kỷ niệm tháng là ngày lặp lại hàng tháng của Ngày hiệu lực hợp đồng. Nếu tháng không có ngày này thì ngày cuối cùng của tháng sẽ là Ngày kỷ niệm tháng.

3. Tài khoản hợp đồng

3.1 Phí bảo hiểm và phương thức phân bổ phí bảo hiểm

Bất kỳ khoản tiền nào mà Bên mua bảo hiểm đóng cho Hợp đồng, FWD sẽ phân bổ theo thứ tự sau, trừ khi có sự thỏa thuận khác với Bên mua bảo hiểm:



(1) Phí bảo hiểm cơ bản	(2) Khoản đầu tư thêm
Là khoản phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm lựa chọn và cần đóng đầy đủ theo định kỳ.	Là khoản phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn đóng thêm ngoài phần Phí bảo hiểm cơ bản.

3.2 Phí bảo hiểm cơ bản và Tài khoản bảo hiểm

3.2.1 Phí bảo hiểm cơ bản

Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Phí bảo hiểm cơ bản trên cơ sở phù hợp với nhu cầu của mình và quy định về mức Phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu, tối đa được FWD quy định từng thời kỳ.

Trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên	Phí bảo hiểm cơ bản cần được đóng đủ tại Ngày đến hạn đóng phí.
Từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi	- Phí bảo hiểm cơ bản cần được đóng đủ tại Ngày đến hạn đóng phí; hoặc - Phí bảo hiểm cần thiết cần được đóng đủ để duy trì hiệu lực của Sản phẩm chính. Phí bảo hiểm có thể được đóng linh hoạt, tùy theo nhu cầu và khả năng tài chính của Bên mua bảo hiểm.

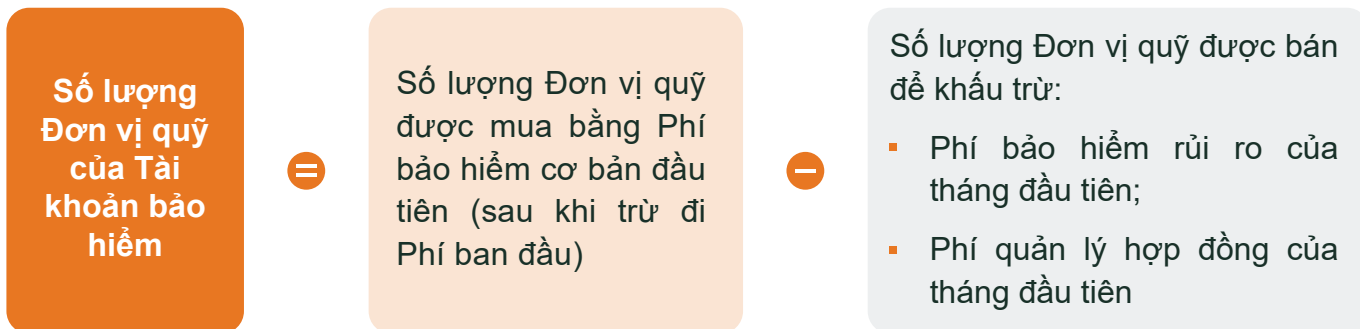
3. Tài khoản hợp đồng

3.2.2 Tài khoản bảo hiểm

Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu sẽ được phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm theo Tỷ lệ phân bổ quỹ được Bên mua bảo hiểm chỉ định. Khoản phí được phân bổ này sẽ được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ.

Số lượng Đơn vị quỹ của Tài khoản bảo hiểm được xác định như sau:

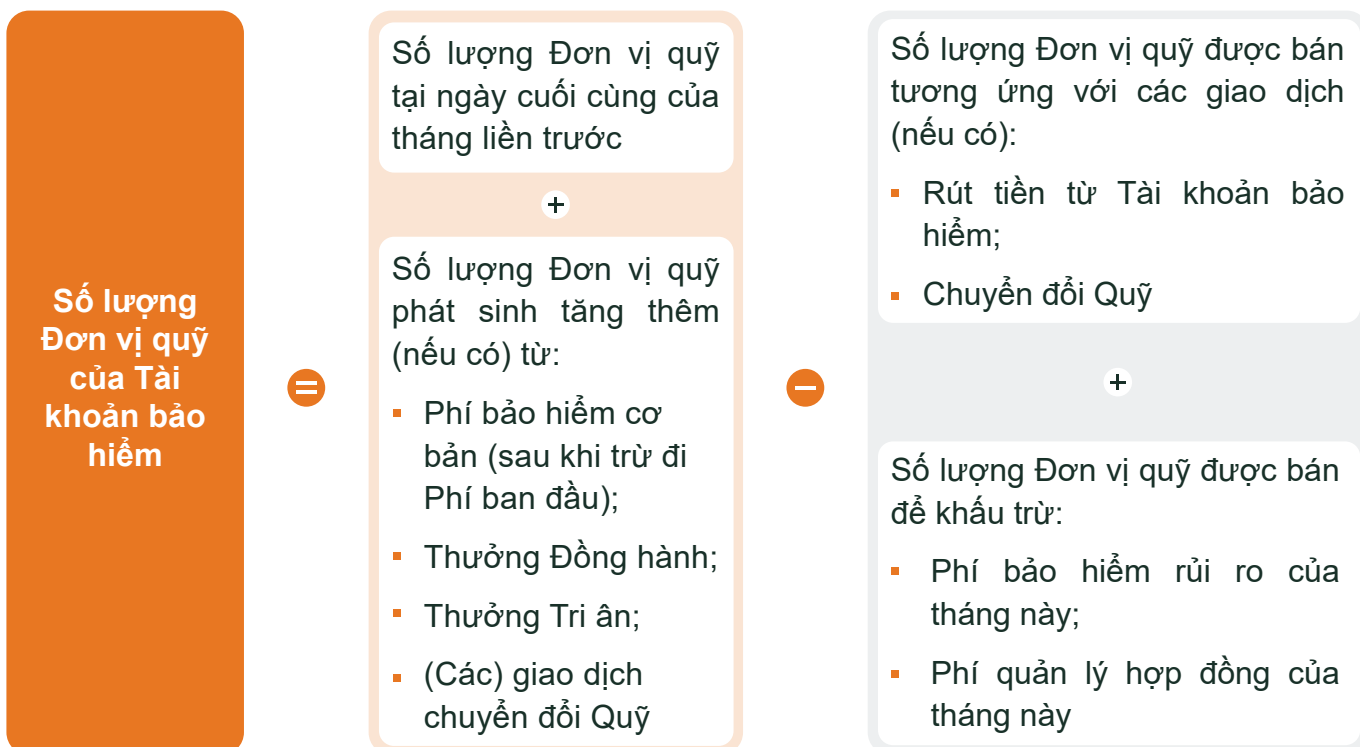
(i). Tại Ngày định giá ngay sau Ngày phát hành hợp đồng:



Đơn vị quỹ được mua và bán theo giá xác định tại Ngày định giá ngay sau Ngày phát hành hợp đồng.

Ngày phát hành hợp đồng là ngày FWD phát hành Hợp đồng. Ngày phát hành hợp đồng được ghi trên Chứng nhận bảo hiểm.

(ii). Tại Ngày định giá ngay sau mỗi Ngày kỷ niệm tháng:



Đơn vị quỹ được mua và bán theo giá xác định tại Ngày định giá ngay sau mỗi Ngày kỷ niệm tháng.

3. Tài khoản hợp đồng

3.3 Khoản đầu tư thêm và Tài khoản đầu tư thêm

3.3.1 Khoản đầu tư thêm

Ngoài Phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm có thể linh hoạt đóng Khoản đầu tư thêm. Mức tối đa của Khoản đầu tư thêm trong mỗi Năm hợp đồng là 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của Năm hợp đồng hiện tại. FWD có thể thay đổi giới hạn Khoản đầu tư thêm hoặc từ chối nhận Khoản đầu tư thêm tại từng thời điểm bằng cách thông báo cho Bên mua bảo hiểm trước khi áp dụng.

3.3.2 Tài khoản đầu tư thêm

Khoản đầu tư thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu sẽ được phân bổ vào Tài khoản đầu tư thêm theo Tỷ lệ phân bổ quỹ được Bên mua bảo hiểm chỉ định. Khoản phí được phân bổ này sẽ được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ.

Số lượng Đơn vị quỹ của Tài khoản đầu tư thêm được xác định như sau:

(i). Tại Ngày định giá ngay sau ngày kết thúc Thời gian cân nhắc:

Số lượng Đơn vị quỹ của
Tài khoản đầu tư thêm

=

Số lượng Đơn vị quỹ được mua bằng
Khoản đầu tư thêm được đóng trước
ngày kết thúc Thời gian cân nhắc
(sau khi đã trừ đi Phí ban đầu)

Đơn vị quỹ được mua theo giá xác định tại Ngày định giá ngay sau ngày kết thúc Thời gian cân nhắc.

(ii). Tại Ngày định giá ngay sau mỗi Ngày kỷ niệm tháng:

Số lượng
Đơn vị quỹ
của Tài
khoản đầu
tư thêm

=

Số lượng Đơn vị quỹ
tại ngày cuối cùng của
tháng liền trước

+

Số lượng Đơn vị quỹ
phát sinh tăng thêm
(nếu có) từ:

- Khoản đầu tư thêm (sau khi trừ đi Phí ban đầu);
- (Các) giao dịch chuyển đổi Quỹ

-

Số lượng Đơn vị quỹ được bán
tương ứng với các giao dịch
(nếu có):

- Rút tiền từ Tài khoản đầu tư thêm;
- Chuyển đổi Quỹ

+

Số lượng Đơn vị quỹ được bán
để khấu trừ (nếu Tài khoản bảo
hiểm không đủ khấu trừ):

- Phí bảo hiểm rủi ro của tháng này;
- Phí quản lý hợp đồng của tháng này

Đơn vị quỹ được mua và bán theo giá xác định tại Ngày định giá ngay sau mỗi Ngày kỷ niệm tháng.

4. Thông tin về Quỹ

4.1 Thành lập Quỹ

FWD thành lập và duy trì các Quỹ theo mục tiêu, chính sách, danh mục và rủi ro đầu tư được quy định tại Mục 4.2 thuộc Phần 2 của Hợp đồng, hoặc các văn bản thông báo về việc thành lập hoặc sửa đổi hoặc hủy bỏ Quỹ do FWD ban hành tại từng thời điểm.

FWD có thể thành lập Quỹ mới và tất cả quy định trong Quy tắc, điều khoản này sẽ có hiệu lực cho Quỹ mới, trừ khi có quy định khác.

FWD có toàn quyền quyết định đầu tư, ủy thác một phần hoặc toàn bộ quyền quyết định đầu tư cho bất kỳ bên thứ ba nào theo những quy định do FWD đưa ra và phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2 Danh mục Quỹ

Danh mục Quỹ bao gồm 07 Quỹ, chi tiết như sau:

Tên Quỹ	Công ty quản lý Quỹ	Mục tiêu đầu tư	Chính sách đầu tư	Danh mục đầu tư	Rủi ro đầu tư
Quỹ Vươn mình	VCBF	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	Đầu tư vào danh mục tài sản bằng Đồng Việt Nam. Trọng tâm là cổ phiếu của các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng cao trong các lĩnh vực như bán lẻ hiện đại, dịch vụ tài chính và năng lượng xanh.	Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80% - 100%). Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác.	Cao
Quỹ Năng động	SSIAM	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. Trọng tâm là cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (tối thiểu 80%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Cao

4. Thông tin về Quỹ

Tên Quỹ	Công ty quản lý Quỹ	Mục tiêu đầu tư	Chính sách đầu tư	Danh mục đầu tư	Rủi ro đầu tư
Quỹ Chiến lược	VCBF	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. Trọng tâm là cổ phiếu có tiềm năng thu nhập cổ tức cao.	Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80% - 100%). Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác.	Cao
Quỹ Tăng trưởng	VCBF	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. Trọng tâm là cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.	Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80% - 100%). Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác.	Cao
Quỹ Cân bằng	SSIAM	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. Cân đối giữa cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng vốn cao và các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (35% - 65%). Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (35% - 65%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Trung bình

4. Thông tin về Quỹ

Tên Quỹ	Công ty quản lý Quỹ	Mục tiêu đầu tư	Chính sách đầu tư	Danh mục đầu tư	Rủi ro đầu tư
Quỹ Ổn định	SSIAM	Thu nhập ổn định và bảo toàn vốn.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. Trọng tâm là các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (tối thiểu 80%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Thấp
Quỹ Tích lũy	VCBF	Thu nhập ổn định và bảo toàn vốn.	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. Trọng tâm là các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (75% - 100%). Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác.	Thấp

Việc phân bổ tài sản đầu tư của các Quỹ có thể sai lệch so với tỷ lệ phân bổ mục tiêu nhưng không vượt mức tối đa cho phép theo luật định. Sự sai lệch này là sai lệch bị động do kết quả của việc tăng hay giảm giá trị thị trường của các tài sản đầu tư, và các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ, hoặc sai lệch xảy ra trong thời gian 3 tháng kể từ ngày khoản tiền từ quỹ chủ sở hữu của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ vào Quỹ.

4. Thông tin về Quỹ

4.3 Định giá Đơn vị quỹ

FWD sẽ tính toán giá trị tài sản ròng của từng Quỹ và Giá đơn vị quỹ cho mỗi Quỹ tại Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu hàng tuần.

$$\text{Giá đơn vị quỹ của từng Quỹ} = \frac{\text{Giá trị tài sản ròng của từng Quỹ}}{\text{Tổng số lượng đơn vị của từng Quỹ tương ứng}}$$

Khi tính toán giá trị tài sản ròng, FWD sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam và các quy định khác có liên quan về đầu tư. Giá trị tài sản ròng phản ánh:

- Tất cả thu nhập bao gồm lãi hoặc lỗ đã được thực hiện hoặc chưa được thực hiện liên quan đến hoạt động đầu tư của Quỹ;
- Phí quản lý quỹ;
- Tất cả các khoản thuế, lệ phí liên quan đến các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

4.4 Các biện pháp bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm

Để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm, FWD có thể áp dụng một hoặc kết hợp các biện pháp sau:

- (a) Thay đổi tên Quỹ;
- (b) Đóng Quỹ để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ mới có cùng các mục tiêu đầu tư;
- (c) Chia tách, sáp nhập hoặc đóng các Quỹ hiện có;
- (d) Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng trong trường hợp Sở Giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ đang thực hiện giao dịch đầu tư tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
- (e) Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

FWD sẽ gửi thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 ngày trước khi áp dụng bất kỳ một trong các biện pháp bên trên.

4. Thông tin về Quỹ

4.5 Mua và bán Đơn vị quỹ

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, số lượng Đơn vị quỹ sẽ tăng hoặc giảm tùy vào từng loại giao dịch khác nhau:

Mua/bán Đơn vị quỹ	Các giao dịch áp dụng
Mua Đơn vị quỹ (Tăng số lượng Đơn vị quỹ)	▪ Phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản; ▪ Phân bổ Khoản đầu tư thêm; ▪ Phân bổ quyền lợi Thưởng Đồng hành và Thưởng Tri ân; ▪ Phân bổ khoản tiền được nhận từ Quỹ khác chuyển đổi sang (chuyển đổi Quỹ).
Bán Đơn vị quỹ (Giảm số lượng Đơn vị quỹ)	▪ Chi trả các quyền lợi bảo hiểm, ngoại trừ Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa quy định tại Mục 1.1.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng; ▪ Khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng; ▪ Rút tiền từ Tài khoản hợp đồng; ▪ Chuyển một số lượng Đơn vị quỹ sang Quỹ khác (chuyển đổi Quỹ); ▪ Chuyển đổi Đơn vị quỹ thành tiền trong trường hợp Hợp đồng mất hiệu lực theo Mục 4.3 thuộc Phần 2 của Hợp đồng; ▪ Chấm dứt Hợp đồng.

5. Hiệu lực hợp đồng

5.1 Đảm bảo duy trì hiệu lực Hợp đồng

Trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng sẽ vẫn được đảm bảo duy trì hiệu lực kể cả trong trường hợp Tài khoản bảo hiểm không đủ để chi trả Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, với điều kiện:

- (i) Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản; và
- (ii) Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm.



Trong thời gian Hợp đồng đang áp dụng điều khoản đảm bảo duy trì hiệu lực, trường hợp Tài khoản bảo hiểm không đủ để khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, những khoản phí định kỳ này sẽ được FWD ghi nhận là Khoản nợ của Hợp đồng. FWD sẽ thực hiện khấu trừ khi Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí.

5.2 Thời gian gia hạn đóng phí

5.2.1 Áp dụng cho Sản phẩm chính

(i). Trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên

Bên mua bảo hiểm có thời gian gia hạn là 60 ngày để đóng phí bảo hiểm nhằm duy trì hiệu lực Hợp đồng. Thời gian gia hạn 60 ngày này được bắt đầu tính từ:

- Ngày đến hạn đóng phí mà Bên mua bảo hiểm chưa đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản; hoặc
- Ngày kỷ niệm tháng mà giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng, trong trường hợp Hợp đồng không còn được đảm bảo duy trì hiệu lực theo quy định tại Mục 5.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng.

Trong thời hạn 60 ngày này:

- Tất cả các quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính vẫn được duy trì hiệu lực.
- Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng phát sinh sẽ được khấu trừ từ Tài khoản hợp đồng, hoặc ghi nhận là Khoản nợ, nếu Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ.
- Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng phí, phí bảo hiểm sẽ được phân bổ theo Mục 3.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng. Khoản nợ (nếu có) sẽ được khấu trừ sau khi phí bảo hiểm đã được phân bổ.

Sau khi kết thúc thời hạn gia hạn 60 ngày này, nếu phí bảo hiểm cần thiết chưa được đóng đủ, thì Hợp đồng sẽ mất hiệu lực.

5. Hiệu lực Hợp đồng

(ii). Từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi

Bên mua bảo hiểm có thời gian gia hạn là 60 ngày để đóng phí bảo hiểm cần thiết nhằm duy trì hiệu lực Hợp đồng. Thời gian gia hạn 60 ngày này được bắt đầu tính từ Ngày kỷ niệm tháng mà giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.

Trong thời hạn 60 ngày này:

- Tất cả quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm chính vẫn được duy trì hiệu lực.
- Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng phát sinh sẽ được ghi nhận là Khoản nợ nếu Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ.
- Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng phí, phí bảo hiểm sẽ được phân bổ theo Mục 3.1 thuộc Phần 2 của Hợp đồng. Khoản nợ (nếu có) sẽ được khấu trừ sau khi phí bảo hiểm đã được phân bổ.

Sau khi kết thúc thời hạn 60 ngày này, nếu phí bảo hiểm cần thiết chưa được đóng đủ để khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng, thì Hợp đồng sẽ mất hiệu lực.

5.2.2 Áp dụng cho (các) Sản phẩm bổ trợ

Bên mua bảo hiểm có thời gian gia hạn là 60 ngày để đóng phí bảo hiểm cần thiết nhằm duy trì hiệu lực của (các) Sản phẩm bổ trợ. Thời gian gia hạn 60 ngày được bắt đầu tính từ Ngày đến hạn đóng phí mà Bên mua bảo hiểm chưa đóng đủ phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ này.

Trong thời hạn 60 ngày này, tất cả quyền lợi bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ vẫn được duy trì hiệu lực.

Sau khi kết thúc thời gian gia hạn này, nếu phí bảo hiểm cần thiết chưa được đóng đủ, (các) Sản phẩm bổ trợ sẽ mất hiệu lực.

5. Hiệu lực Hợp đồng

5.3 Mất hiệu lực Hợp đồng

Khi Sản phẩm chính mất hiệu lực, Hợp đồng bao gồm Sản phẩm chính và (các) Sản phẩm bổ trợ (nếu có), sẽ mất hiệu lực. FWD sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm về tình trạng mất hiệu lực Hợp đồng.

Khi Hợp đồng mất hiệu lực, FWD sẽ bán toàn bộ các Đơn vị quỹ còn lại của Tài khoản bảo hiểm và/hoặc Tài khoản đầu tư thêm, nếu có, theo Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày kết thúc thời gian gia hạn đóng phí. Khoản tiền này được lưu tại FWD, không có lãi, và:

Trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng mất hiệu lực

Tất cả khoản tiền này sẽ được phân bổ lại vào Tài khoản bảo hiểm và/hoặc Tài khoản đầu tư thêm, theo Tỷ lệ phân bổ quỹ đang áp dụng tại thời điểm khôi phục hiệu lực; và

Đơn vị quỹ sẽ được mua theo Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày FWD chấp nhận yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng.

Trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu chấm dứt hợp đồng

FWD sẽ hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm khoản tiền này sau khi trừ Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn tại thời điểm Hợp đồng mất hiệu lực.

Trong thời gian Hợp đồng mất hiệu lực, sẽ không có bất kỳ khoản phát sinh nào cho Tài khoản hợp đồng, và FWD sẽ không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào.

5.4 Khôi phục hiệu lực Hợp đồng

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực của Hợp đồng hoặc của Sản phẩm chính trong vòng 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng mất hiệu lực. Ngày khôi phục hiệu lực sẽ không được trễ hơn Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm của Hợp đồng.

Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm cần đáp ứng các điều kiện khôi phục sau:

- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đáp ứng điều kiện về quyền lợi có thể được bảo hiểm tại thời điểm yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng; và
- Người được bảo hiểm có tình trạng sức khỏe đáp ứng các điều kiện có thể được bảo hiểm theo quy định của FWD. Để đánh giá điều kiện sức khỏe, FWD có thể yêu cầu Người được bảo hiểm kiểm tra y tế và/hoặc cung cấp thêm thông tin sức khỏe trước khi chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng; và
- Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ các khoản tiền cần thiết để khôi phục hiệu lực hợp đồng theo Thư thông báo của FWD trong từng thời kỳ.

Ngày khôi phục hiệu lực của Hợp đồng hoặc của Sản phẩm chính sẽ được ghi trong Thư xác nhận khôi phục hiệu lực.

Sau khi kết thúc thời hạn 24 tháng này, nếu FWD không nhận được yêu cầu khôi phục hiệu lực của Hợp đồng hoặc của Sản phẩm chính, thì Hợp đồng sẽ chấm dứt. FWD sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại của Sản phẩm chính, nếu có, tại thời điểm Hợp đồng mất hiệu lực, không có lãi, theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm gửi đến FWD.

5. Hiệu lực Hợp đồng

5.5 Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng

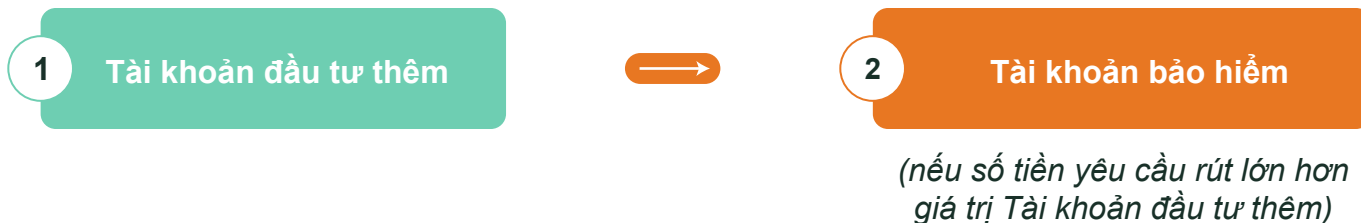
Sau Thời gian cân nhắc, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng trước thời hạn vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức ứng dụng điện tử do FWD cung cấp. Ngày chấm dứt hiệu lực Hợp đồng là ngày FWD ghi trên Thư xác nhận chấm dứt Hợp đồng.

Khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, FWD sẽ chi trả Giá trị hoàn lại và mọi trách nhiệm, nghĩa vụ của FWD theo Hợp đồng cũng sẽ chấm dứt.

6. Điều chỉnh Hợp đồng

6.1 Rút tiền từ Tài khoản hợp đồng

Sau Thời gian cân nhắc của Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút một phần từ Tài khoản hợp đồng theo thứ tự ưu tiên như sau:



1. Rút tiền từ Tài khoản đầu tư thêm

Số tiền rút tối đa bằng 100% giá trị của Tài khoản đầu tư thêm.

2. Rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm

Số tiền rút tối đa



80% Giá trị hoàn lại của Tài khoản bảo hiểm.

Giá trị hoàn lại của
Tài khoản bảo hiểm



Giá trị Tài khoản
bảo hiểm



Phí chấm dứt hợp đồng
trước thời hạn

Giá trị Tài khoản đầu tư thêm hoặc Tài khoản bảo hiểm được xác định dựa trên số lượng Đơn vị quỹ và Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày FWD chấp thuận yêu cầu rút tiền.

FWD sẽ bán số lượng Đơn vị quỹ tương ứng theo yêu cầu rút tiền đã được FWD chấp thuận và áp dụng Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày yêu cầu rút tiền được FWD chấp thuận.

Bên mua bảo hiểm sẽ được miễn Phí rút tiền từ cả Tài khoản bảo hiểm và Tài khoản đầu tư thêm.

6. Điều chỉnh Hợp đồng

6.2 Thay đổi Số tiền bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm theo quy định như sau:

Giảm Số tiền bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu giảm Số tiền bảo hiểm kể từ Năm hợp đồng thứ 2:

- (i). Số tiền bảo hiểm mới không được thấp hơn Số tiền bảo hiểm tối thiểu theo quy định của FWD; và
- (ii). Phí bảo hiểm cơ bản không thay đổi hoặc điều chỉnh theo quy định của FWD trong từng thời kỳ.

Số tiền bảo hiểm mới sẽ có hiệu lực kể từ Ngày kỷ niệm tháng tiếp theo sau khi FWD chấp thuận.

Tăng Số tiền bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm kể từ Năm hợp đồng thứ 2:

- (i). Số tiền bảo hiểm mới không được cao hơn Số tiền bảo hiểm tối đa theo quy định của FWD; và
- (ii). Người được bảo hiểm không vượt quá 70 tuổi tại ngày Số tiền bảo hiểm mới có hiệu lực; và
- (iii). Người được bảo hiểm đáp ứng các điều kiện về thẩm định của FWD; và
- (iv). Phí bảo hiểm cơ bản có thể tăng tương ứng với Số tiền bảo hiểm mới. FWD sẽ gửi thông báo tới Bên mua bảo hiểm về Phí bảo hiểm cơ bản mới cần đóng.

Số tiền bảo hiểm mới sẽ có hiệu lực kể từ Ngày đến hạn đóng phí tiếp theo sau khi FWD chấp thuận.

Sau khi Số tiền bảo hiểm mới có hiệu lực, Phí bảo hiểm rủi ro và các quyền lợi sẽ thay đổi tương ứng theo Số tiền bảo hiểm mới.

Trường hợp FWD có thay đổi quy định này, FWD sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm trước khi áp dụng.

6.3 Chỉ định và thay đổi Tỷ lệ phân bổ quỹ

Bên mua bảo hiểm cần chỉ định Tỷ lệ phân bổ quỹ của:

- Phí bảo hiểm cơ bản: vào thời điểm kê khai Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Tổng Tỷ lệ phân bổ quỹ phải là 100%.
- Khoản đầu tư thêm: vào bất cứ thời điểm nào. Tổng Tỷ lệ phân bổ quỹ phải là 100%.

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu thay đổi Tỷ lệ phân bổ quỹ vào bất kỳ thời điểm nào. Tỷ lệ phân bổ quỹ mới sẽ áp dụng cho tất cả các khoản tiền được phân bổ sau khi yêu cầu thay đổi được FWD chấp thuận.

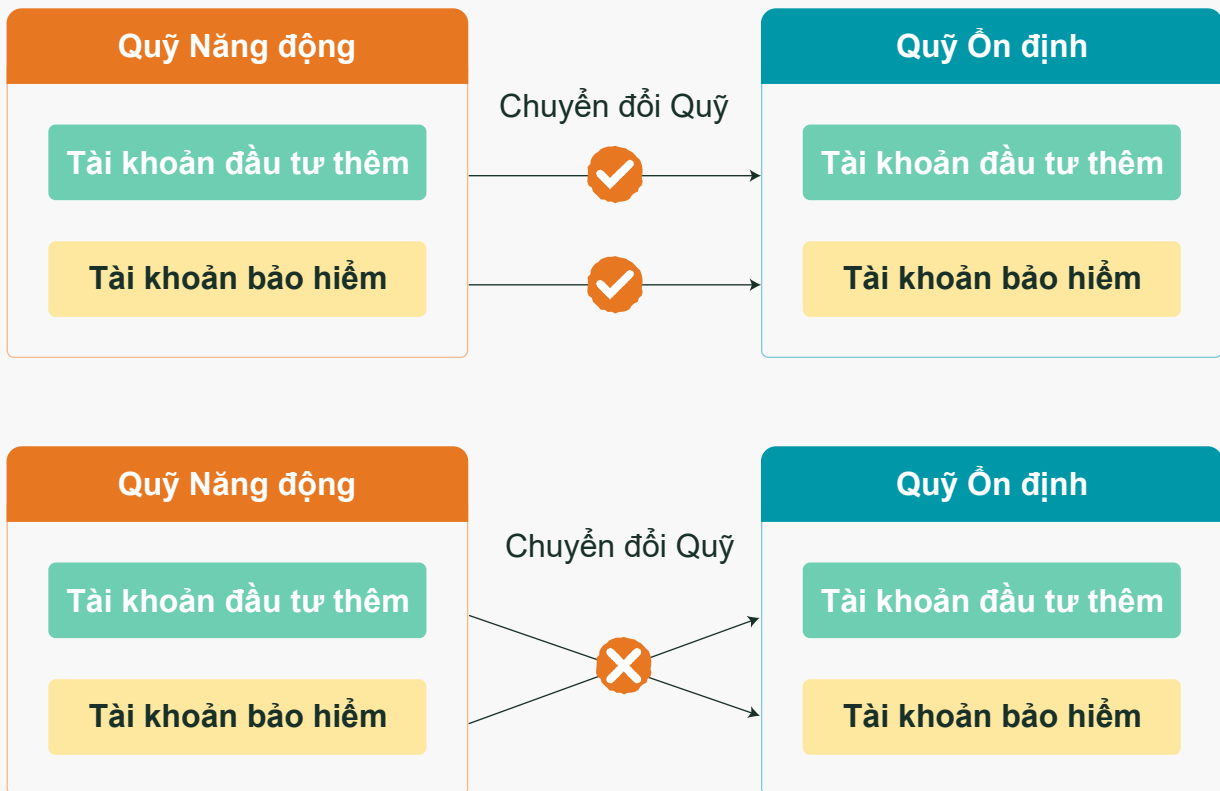
6. Điều chỉnh Hợp đồng

6.4 Chuyển đổi Quỹ

Trong thời gian Hợp đồng đang có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ giá trị của Tài khoản bảo hiểm và/hoặc Tài khoản đầu tư thêm từ Quỹ này sang (các) Quỹ khác.

Việc chuyển đổi Quỹ chỉ được thực hiện trong cùng tài khoản.

Ví dụ minh họa:



Việc mua và bán các Đơn vị quỹ chuyển đổi được thực hiện theo Giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá ngay sau ngày FWD chấp thuận yêu cầu chuyển đổi Quỹ.

Bên mua bảo hiểm sẽ được miễn phí khi thực hiện chuyển đổi Quỹ của cả Tài khoản bảo hiểm và Tài khoản đầu tư thêm.

6. Điều chỉnh Hợp đồng

6.5 Nhầm lẫn khi kê khai tuổi, giới tính

Nếu Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ thấp/cao hơn Phí bảo hiểm rủi ro tính theo tuổi và/hoặc giới tính đúng của Người được bảo hiểm

FWD sẽ giữ nguyên Số tiền bảo hiểm hiện tại và Phí bảo hiểm cơ bản hiện tại.

Phí bảo hiểm rủi ro sẽ được điều chỉnh theo tuổi và/hoặc giới tính đúng kể từ Ngày kỷ niệm tháng tiếp theo.

Nếu theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Người được bảo hiểm không được FWD chấp nhận bảo hiểm

FWD sẽ huỷ bỏ Hợp đồng và hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng của Hợp đồng, không có lãi, sau khi trừ đi các khoản sau (nếu có):

- Các khoản phí quản lý Hợp đồng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến thời điểm FWD ra quyết định không chấp nhận bảo hiểm; và
- Chi phí kiểm tra sức khỏe; và
- Quyền lợi đã chi trả trước đó; và
- (Các) khoản tiền Bên mua bảo hiểm đã nhận được từ Sản phẩm chính.

6.6 Cập nhật thông tin cá nhân

Bên mua bảo hiểm phải thông báo cho FWD bằng văn bản trong trường hợp Người được bảo hiểm thay đổi nghề nghiệp và/hoặc cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam hơn 180 ngày (liên tục hay không liên tục) trong một năm dương lịch.

Khi nhận được thông báo thay đổi của Bên mua bảo hiểm, FWD có thể thực hiện một trong những quyết định sau:

- Tiếp tục Hợp đồng với mức phí bảo hiểm không đổi; hoặc thay đổi mức phí bảo hiểm; hoặc thay đổi Số tiền bảo hiểm, tùy theo tuổi mới, nghề nghiệp mới và/hoặc rủi ro ở quốc gia cư trú, và/hoặc quốc tịch mới; hoặc
- Chấm dứt Hợp đồng và hoàn trả Giá trị hoàn lại (nếu có).

FWD sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm về quyết định của mình.

Hãy liên lạc với chúng tôi ngay hôm nay để được tư vấn.

Trụ sở chính

Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn,
Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 6256 3688

Email: customerconnect.vn@fwd.com

Chi nhánh

Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh,
Phường Kim Liên, TP.Hà Nội

Tel: (84-24) 3938 6757



Hotline
1800 96 96 90



Quét mã QR
để truy cập website